

KIM ĐỊNH

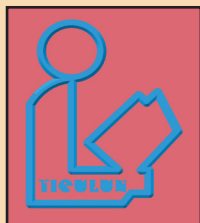


NGUỒN GỐC VĂN HÓA VIỆT NAM



NGUỒN GỐC VĂN HÓA VIỆT NAM

KIM ĐỊNH



MỤC LỤC

KHAI TỪ

- I. Nền móng Việt Nho
- II. Đóng góp của Lạc Việt
- III. Đóng góp của Hoa Tộc
- IV. Phương pháp huyền sử
- V. Chân trời huyền sử
- VI. Tinh túy Việt Nho
- VII. Hướng vọng quê tổ

PHỤ TRƯỞNG

- VIII. Trả lời những thắc mắc
- IX. Những học giả mở đầu
- X. Những thám quật mới nhất
- XI. Việt Nho tự kiểm điểm XII. Bốn ngàn năm văn
hiến

Khai Từ

Với bất cứ dân tộc, hay tôn giáo nào, hễ đã nói tới nguồn gốc là trở thành vấn đề nghĩa là nói đến những khó khăn, những nghi ngờ, do dự, tìm kiếm rồi nhân đó nảy ra rất nhiều ý kiến, nhiều giả thuyết. Nước Việt Nam tất nhiên không nằm ngoài thông lệ đó được : vì nguồn gốc thường bị chôn sâu dưới những dĩ vãng hỗn tạp : ai dám tự hào biết đích xác và biết hết cả được. Thành ra mỗi thuyết chỉ nói lên được một vài điểm nào đó. Người sau thấy có những điều thiếu sót thì lại đưa ra một thuyết mới, để cố nói lên những điều bỏ sót nọ, và đây là trường hợp Việt Nho, nó dựa trên một số sự kiện hoặc bị các thuyết trước bỏ quên hoặc để lu mờ sau đây :

- Trước hết là mối liên hệ giữa Việt Nam và Bách Việt bị bỏ lơ là, nhiều người còn cho là không liên hệ chỉ cả với người còn cho là không liên hệ chỉ cả với người Việt Nam này.

- Không đặt nổi được sự dị biệt giữa hai thứ Nho Giáo, một của thị dân, một của thôn dân, nên không nhìn ra trận tuyến văn hóa đích thực nằm giữa Hán Nho và Nho sơ khởi mà lại đặt làm sang địa hạt chính trị giữa Tàu và Việt.

- Bởi thế thay vì nhìn nhận mối liên hệ thâm sâu giữa văn hóa Việt Nam với Nho Giáo, thì lại đặt chúng trên hai trận tuyến chống nhau.

- Do đó không thể nói lên cách lí giải đâu là nét đặc trưng của văn hóa nước nhà, ít ra những nét cơ bản nhất.

- Vì vậy không thể thiết lập nổi cho nước một chủ đạo thích hợp tính tình phong thổ và trình độ tiến hóa riêng biệt.

Đây là những khuyết điểm mà Việt Nho muốn bỏ cứu. Có thể nói năm điểm trên thuộc đối tượng. Ngoài ra nó cũng muốn đóng góp cả về phương pháp. Là vì trong làng văn hóa quốc tế đã có những phương pháp mới rất đáng chú ý mà cho tới nay chưa thấy được áp dụng ít ra cách triệt để vào việc tìm hiểu văn hóa nước nhà. Thế mà với bất cứ nền văn hóa nào thì những phương pháp nọ cũng rọi nhiều tia sáng mới lạ rất đáng chú ý, hướng nữa với nền văn hóa Việt Nam có hai điểm khác văn hóa Tây phương : một là nó ưa lối không nói mà nói, gọi là «ý tại ngôn ngoại». Hai là có sự tham dự của dân chúng vào việc hình thành văn hóa, thế mà dân chúng không «viết sách» dài nhưng chỉ nói vắn tắt qua ca dao, qua thể chế, thói tục, lễ lạy, huyền thoại... Vậy cần một phương pháp chú ý tới tất cả những cái đó, và đây là điều chúng tôi thử làm với thuyết Việt Nho và gọi là

huyền sử. Huyền sử là kết tinh bởi những phương pháp của các khoa nhân văn mới như xã hội học đặt nặng trên thói tục, thể chế uyên tâm chú ý đến huyền thoại được coi như tiếng nói của tiềm thức, cơ cấu chú ý hơn hết đến các con số tiêu biểu, khảo cổ dựa trên các di tích thám quật được.

Đó là những yếu tố mới lạ, khác với phương pháp quen dùng tới nay nặng tính chất hàn lâm hoặc duy sử. Vì có sự khác biệt cả về đối tượng lẫn phương pháp nên tất nhiên Việt Nho đưa ra một lối nhìn khác xưa cùng với những đề quyết nhiều khi động trời khiến một số học giả bỡ ngỡ. Vậy với quyển này tuy chưa là tận cùng nhưng đã là thứ chín trong toàn bộ nên chúng tôi đã có thể nói rõ hơn về lập trường riêng, đồng thời đưa ra một vài kiểm điểm để gọi là mời độc giả cùng chúng tôi nghỉ giải lao để nhìn trở lại những bước đã kinh qua. Con đường tìm về nguồn gốc văn hóa dân tộc là đường bất tận, chẳng bao giờ tới cùng, nên lâu lâu phải dừng lại để kiểm điểm. Xong lại lên đường.

Chữ viết tắt

Archeo : The archeology of ancient china, by Kwang - chih - chang.

Yale University Press. New haven. 1968.

Bezacier : L'art Vietnamien par L. Bezacier. Ed. Union Francaise. Paris

1954

Caedes : Les états himdouisés d'Indochine et d'Indonésie par G.

Caedes. éd. de Boccard. Paris. 1948

Escara : Les institutions de la Chine par Henri Maspéro et Jean Escara

P. U. F 1952

Eberhard : A History of China by Wolfram Eberhard. London 1955. Bản dịch Pháp của nhà Payot Paris.

Huard : Connaissance du Vietnam. EFEO 1954

Keim : Panorama de la Chine par Jean Keim Hachette 1951

Marg : La langue et l'écriture chinoises par Georges Margoulies.

Payot Paris 1943.

Terrien : The languages of China before the Chinese by Terrien de La Couperie. Taipei 1970.

Chú ý : Các ký hiệu đã cho trong các quyển trước cùng bộ không nhắc tới.

I. NỀN MÓNG CỦA VIỆT NHO

A. NHỮNG YẾU TỐ VĂN MINH CỦA LẠC VIỆT

Trong «Việt lý Tổ nguyên» có hai đề thuyết động trời một là Bách Việt làm chủ trọn vẹn nước Tàu trước người Tàu, hai là chính người Bách Việt đã chủ xướng ra Nho giáo, người Tàu chỉ làm cho Hoàn bị cũng như làm sa đoạ ra Hán Nho. Chủ đề nhất kể như được kiện chứng rồi. Ở đây tôi chỉ chú ý đến chủ đề hai có tính chất thuần túy văn hóa.

Đó quả là một chủ đề quá táo bạo; nên có người cho rằng người Tàu sẽ không thềm cãi mà chỉ cười, cười khinh. Còn học giả ta thì một vài vị mới nói ngầm là ái quốc quá khích, là chủ quan..., ngoại giả còn chờ xem (wait and see). Tôi không chú ý đến người Tàu hay những người cho là quá khích, hay vội vàng, vì mỗi người có quyền nói lên cảm nghĩ của mình, nhưng đó mới là cảm nghĩ chưa xài được. Muốn xài (tức là đưa ra tranh luận) phải kê khai ra điểm nào là quá khích, điểm nào là chủ quan. Điều đó chưa ai làm, nên những bài sau đây chưa hẳn nhằm trả lời ai mà chỉ có ý đáp ứng sự chờ đợi của một số độc giả mong tôi minh định thêm

về chủ trương Việt Nho.

Vậy việc trước hết phải làm là xem thuyết Việt Nho có nền tảng nào chẳng. Muốn thế thì cần xét xem khi hai chủng gặp gỡ thì ai hơn, ai kém : nếu Hoa tộc hơn hẳn Việt tộc thì thuyết Việt Nho thiếu nền, ngược lại là có nền. Dấu hiệu để xét đoán hơn kém là sự vay mượn : ai vay là kém. Nếu người Tàu vay mượn Lạc Việt nhiều thì ta có quyền đưa ra thuyết như trên.

Vậy mà có nhiều việc chứng tỏ người Việt hơn. Tất nhiên không hơn vì có tài đặc biệt nhưng hơn vì vào nước Tàu trước, chiếm cứ miền tốt nhất là Hồ quảng, nên có dịp đi trước về một số điểm thí dụ về đóng thuyền bè đã giỏi đủ để vượt trùng dương đến các đảo xa xôi. Thứ đến là Lạc Việt hơn Tàu về cái nỏ. Trung Hoa đã tiếp xúc với Việt ở Kinh man từ đời nhà Hạ, mà mãi đến đời Tần, Tàu vẫn còn kém về nỏ; ẩn tích sự vụ đó còn để lại trong câu truyện huyền thoại nỏ thần của An Dương Vương chống Triệu Đà.

Tàu học của Việt ở đất Kinh man rất nhiều nhưng ít ai chú ý đến là vì không chú ý đến sự kiện Lạc Việt đã vào nước Tàu trước cả hàng ngàn năm, khiến cho Tàu đến sau phải mượn của Việt khá nhiều cái, ta hãy lên sổ tạm :

1. Trước hết là cái nỏ. Người Tàu dùng cung thiếu cây dọc nên không bắn nhiều tên một trật được như nỏ.

2. Thứ đến là nhà nóc oằn góc mái cong lên trời người Tàu mới làm tự đời nhà Đường, trước kia mái nhà của họ thẳng như khoa khảo cổ chứng minh (xem *L'art Vietnamienne* tr. 32 Bezacier. Hoặc *Archéo* tr. 99).

3. Đồi dưa ăn cơm. (*Naissance de la Chine* tr. 307. Hoặc Huard tr. 198).

4. Làm thuyền.

Về điểm này Việt nổi hơn quá nhiều. Lúc Sĩ Vưu thua Hiên Viên thì Lạc Việt đã vượt được biển mà người Tàu mãi tới đời nhà Hạ mới vượt sông Hà ở quảng hẹp nhất nơi cửa sông Vị, chứ chưa dám vượt phía đông rộng hơn.

5. Thủy vận và nghề đánh cá của dân Việt ông Huard (tr. 227) nhận xét ngôn ngữ Việt đầy tiếng về thuyền bè...

6. Cách lợi dụng nước thủy triều để làm ruộng của dân Lạc Việt. Đây là điểm được người Tàu đặc biệt chú tâm coi như liên hệ tới vận số quốc gia của họ ¹ thế mà còn phải mượn của Việt thì còn có thể nói đến nhiều cái khác như sơn mài mà người Thái ở Thục hơn Tàu. Nói chung thì trong hai ngàn năm đầu chỉ thấy có Tàu mượn Việt mà không thấy Việt mượn Tàu. Tàu hơn Việt được cái xe, nhưng Việt không mượn vì chuyên về thuyền.

Chủ thuyết trong cuốn này là khi nào Tàu săn sóc sông ngòi thì nước cường thịnh, đó là lối giải nghĩa thượng tầng văn hóa chính trị bằng hạ tầng kinh tế. Chúng ta không theo lối giải nghĩa đó, nhưng công nhận rằng tác giả nhìn thấy tầm quan trọng của việc trị thủy.

B. NGƯỜI TÀU CÓ THU NHẬN NHỮNG YẾU TỐ VĂN HÓA LẠC VIỆT CHẴNG ?

Đó là phần văn minh. Bây giờ chúng ta bước sang phần văn hóa và hỏi người Tàu có mượn chi chẳng ? Thưa có nhiều. Hãy đi từ hình thức đến nội dung. Về

1 Có thể nhận thấy điều đó qua luận án Key economic in Chinese history, as revealed in the development of public works for water control của Chi Chao Tinh, London, 1936.

hình thức thì nên chú ý đến ngôn ngữ là đầu, vì vay mượn ngôn ngữ của ai là đầu phục văn hóa của họ, coi là cao hơn. Thế mà trong vụ này thì cổ Mã lai có cho Trung Hoa vay. Thế mà cổ Mã lai với Bách Việt đồng tông (xem Việt Lý tr. 341). Việt chỉ học với Tàu về sau. Còn lúc mới gặp gỡ thì Tàu mượn của ta nhiều tiếng như đậu do đồ, bản do ván, vân do mây... Về điểm này tôi không chuyên môn mà chỉ đọc ít nhiều tài liệu nói đến chuyện Hoa tộc vay nhiều tiếng của Lạc Việt đến nỗi cả cú pháp của họ cũng có thay đổi (Xin xem chi tiết trong quyển *The languages of China before the Chinese* của Terrein de Lacouperie mới được Chieng Wen tái bản tại Đài Bắc 1970) vì là ngành chuyên môn nên tôi xin thông qua đề bàn sang các chuyện khác nhất là triết.

C. BA CỘT CẢI CỦA NHO.

Nói đến triết thì quan trọng không còn nằm trong hình thức (ngôn ngữ, chữ viết) mà là trong nội dung : «từ đạt nhi dĩ hĩ». Vậy xét nội dung thì thấy trong Nho Giáo có những yếu tố sau đây của Lạc Việt là đạo thờ trời, lễ gia tiên và ngũ hành.

1. Đạo thờ trời là của Bách Việt về sau Tàu mượn và dành cho vua, dân không được thờ, đang khi bên ta đến

năm 1945 có nơi đến 80% gia đình trong nhà có bàn thờ ông Thiên.²

Đây là bài tôi cho là sâu sắc và rất hợp với thuyết nhân chủ của tôi, con người hòa hợp với trời đất, mà vẫn giữ được nhân chủ tính... cũng như chủ trương coi miền Nam phản chiếu Việt Nho hơn hết (xem Vấn đề Quốc học).

Trời mà Việt Nho thờ rất bao dung như mẹ hiền. Có lẽ sau này Tàu đổi ra ông Trời, còn trước kia với Lạc Việt là bà Trời. «Ông trăng mà lấy bà trời». Cùng với Thái dương thần nữ của Nhật, hay Cửu thiên huyền nữ của ta là một gốc. Chính đạo thờ trời này liên hệ với nhân chủ tính (xây trên tam tài) mà biểu hiện là gia tiên.

2 Chỗ này Võ Phiến có một bài nhận xét nhan đề là «Đất của con người» đăng trong Bách Khoa số 376 tháng 9-12 nói về miền Nam. Đại khái : «Đâu cũng có dấu tín ngưỡng : ngoài sân thờ ông Thiên, trong nhà thờ ông Địa và khắp cùng nơi rong chơi các ông Đạo... Đất miền Nam cơ hồ thuộc các đảng thần linh. Thế mà lạ : không ở đâu con người được đề cao bằng ở đây. Đây mới chính thị là đất của con người...»

2. Vậy lễ gia tiên cũng là của Lạc Việt, Tàu mượn và dành cho quý tộc, chứ dân chúng không được thờ, Có người nhận xét là gia đình Tàu không có bàn thờ tổ tiên khác hẳn với Việt Nam nhà nào cũng có. Như vậy đã rõ nơi phát xuất phải là Việt thì người Việt mới thấm nhuần nhiều hơn được như vậy.

3. Còn ngũ hành thì đến nay các học giả cho là phát xuất tự đông nam kể cả tử vi căn cứ trên ngũ hành. Còn ý kiến bảo tự Tây Âu bị bác bỏ vì Tây thường là tứ hành với khí và gió lửa, đất (xem Need 11. 244, 246, 355). Cũng như Âm Dương không thể do Perse vì không có tốt xấu, âm không xấu... (Need 11. 277). Vì thế có thể coi là do Kinh sở tức do Lạc Việt, cả ngũ hành lẫn âm dương.

Đó là những cột cái hay là cơ cấu của Nho giáo sơ khởi và có thể coi như là những lễ chứng minh tức căn bản, còn lý do tùy đề kiện chứng thì có thể đưa ra hai điểm sau :

Trước hết là việc Khổng Tử tuyên bố «thuật nhi bất tác» tức chỉ thuật lại đạo cổ xưa chứ ông không sáng tác và nếu cần xác định là đạo cổ ở phương nào thì ông bảo ở phương Nam. Trong câu : «Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo Nam phương chi cường dã, quân tử cư chi» Trung dung 10. Vì những lý do trên chúng ta nên từ bỏ

hai thói quen : trước hết là coi Khổng Tử như người sáng lập ra Nho giáo. Công của Khổng Tử là làm cho đạo Nho phục hồi sức mạnh mà thôi.

Hai là trung tâm văn hóa của Tàu luôn luôn ở Hồ Quảng, tức miền của Lạc Việt hoặc thời Khổng Tử là Sơn Đông (Tề, Lỗ) cũng là miền có sự hiện diện lâu đời của Lạc Việt.

Với ba lý chứng lớn lao, với hai lẽ kiện chứng cụ thể tôi cho là không những có nền để đặt giả thuyết Việt Nho, mà thuyết đó còn đáng nâng lên bậc chủ thuyết.

D. KHẢ NĂNG TIẾP XÚC.

Có người căn cứ trên sự kiện là không có sọ Lạc Việt ở vùng Hoa Bắc mà chối từ giả thuyết trên, nhưng giả sử là cuộc thám quật đã đầy đủ đi nữa thì vẫn còn nhiều lối khác như Viêm Việt ở hai phía Hoa Bắc là Sơn Đông (Đông di) và phía Tây (Khuyển Nhung) ép Hoa tộc vào giữa, còn phía Nam thì nắm trọn. Nếu người Tàu chưa vượt được

Hoàng Hà thì đã có người Việt : chữ Việt có nghĩa cụ thể là vượt Hà : vượt xuống Nam cũng như vượt lên Bắc. Vì thế mà năm 672 trước kỷ nguyên, nhà Chu

còn phải xuống chiếu phủ dụ sở Thành vương phải chế phục và bình định những rợ Nam man, để cho lũ man di Việt đừng xâm phạm Trung Nguyên. Vả lại về ảnh hưởng văn hóa đâu có cần sự ở chen kẽ, chỉ cần tiếp xúc, mà Hoa tộc thì tự lúc vào nước Tàu đã liên tục tiếp xúc với Lạc Việt cả ba phía Đông, Tây, Nam. Vả lại Nho giáo chỉ kết tinh vào đời Chu thì không nên gây bỏ ảnh hưởng miền dưới sông Hoàng Hà mà sức ảnh hưởng lớn lao đến nỗi đổi cả tâm hồn trí não, tâm tình vóc dáng và màu da của người Tàu đến cư ngụ ở miền Kinh Việt, cả chỉ số của họ cũng đổi đến nỗi có người nghĩ phải đặt ra cho họ một chủng riêng là Nam Mông gô lịch. Tất cả những sự việc này xảy ra thời chung đúc

Việt nho với Hoa nho làm nên Vương nho. Việt nho thuần chủng là tự đầu đến Hiên viên. Vương nho tự Hiên viên tới thời Xuân Thu, rồi Đế nho thời Ngũ Bá. Sau đó là Hán nho. Vì những lý do trên mà tôi cho là Tàu đã vay mượn cả văn hóa Lạc Việt nữa. Văn hóa đó tôi gọi là Nho giáo đang thai nghén tức mới cảm thấy lơ mơ nên diễn bằng huyền thoại. Có ý thức đủ để diễn ra bằng ngôn từ, văn tự, ý tưởng thì sẽ được người Tàu (hay lai Tàu) làm về sau đời nhà Chu, nhất là với Khổng Tử, tức là lối hai ngàn năm sau khi người Tàu đặt chân vào nước Tàu, nên quá đủ lâu dài để gồm cả ảnh hưởng Lạc Việt ở Kinh man vào đó. Vậy nói người

Tàu vay mượn văn hóa Việt là có quá nhiều tang chứng, chứ không phải vô bằng chủ quan hay vội vàng như có người nghĩ đâu.

D. THIẾU SÒNG PHẪNG

Trong phạm vi văn hóa việc chũng này vay mượn chũng kia là quá thường không cần phải khai ra cũng chẳng sao, nhất là đối với Tàu là kẻ mạnh hơn Việt thì trước việc khai ra càng có lý do. Thế hỏi tại sao lại bảo người ta ăn cướp. Thừa rằng đó chẳng qua là lối nhấn mạnh cho câu văn mang tính chất kích động vậy thôi. Tuy nhiên vì là những danh từ có vẻ đao búa thì cũng phải có lý do nào đó mới được phép xài, và lý do đó ở tại việc Tàu có vay mượn của Việt mà lại khi dễ người ta cho là Man di Bách Việt, thế cho nên tôi mới đi tìm thử coi Man di đáng khinh chẳng thì té ra không hẳn như vậy, mà trái lại Tàu có vay mượn lại còn có cả cạo số nữa chứ. Thí dụ Lạc bộ chuy mà Tàu đã vay mượn tôn giáo thì lại viết với bộ thủy, thành ra Lạc bộ chuy mất tích luôn. Thế mà Lạc bộ chuy là Môn tức tổ tiên xa nhất của ta và còn để ẩn tích lại trong danh hiệu Hồng Bàng (chữ Hồng với chuy có liên hệ Điều) thế mà sự cạo số đã thành công đến nỗi người Việt về sau mất trọn ý thức về mối liên hệ với Môn với Điều, đến nỗi

ngày nay nhiều người còn cho truyện Hồng Bàng thị là hoang đường thì đủ biết đã có sự cố tâm xóa bỏ gốc tích người ta.

Đây là những chuyện lật vặt, chắc còn nhiều mà ta chưa kịp truy tầm, nhưng đây chỉ cần nêu ra một việc quan trọng là trong khi lên sổ những chủng tộc làm thành dân tộc nước Tàu thì họ chỉ kể tới có Mông, Mãn, Hồi, Tạng còn Bách Việt thì quên ăng đi.

Đang khi ấy thì chính Bách Việt vừa đông người nhất vừa đóng góp văn hóa nhiều nhất.

Đông nhất đến nỗi có thể nói là 60 hoặc 70% dân Tàu hiện nay là người Bách Việt. Vì thế tôi coi đó là một cuộc cạo số to nhất mà chúng ta có thể kiểm kê xuyên qua lối phát âm và được khoa ngôn ngữ tỉ giảo cho biết có đến 7, 8 phần mười người Tàu nói theo giọng Việt, hay nói theo phương âm là 9 trên 10.

E. CHÍN PHẦN MƯỜI NGƯỜI TÀU NÓI THEO GIỌNG VIỆT.

Đó là căn cứ trên phương âm của Tàu hiện nay mà nói. Theo các nhà ngôn ngữ thì Tàu có tất cả 10 phương âm, trong đó Trung Nguyên của Tàu chính công chỉ

là một gồm Đông Thiểm Tây, Nam Hà Bắc, Nam Sơn Tây. Ngoại giả toàn là Tàu đọc giọng Lạc Việt gồm :

1. Tần ngữ : Ở Thiểm Tây được coi như tiếng tiền quan thoại.

2. Thục ngữ : là âm của người Thái xưa.

3. Yên, Tề ngữ : Đông Di(Sơn Đông) hay là Lạc Địch.

4. Sở ngữ : Kinh Man, Lạc Việt. Trung tâm văn hóa nước Tàu.

5. Mân ngữ : Mân Việt ở Phúc Kiến.

6. Việt ngữ : Quảng Đông, Quảng Tây.

7. Giang Hoài ngữ : Bắc Giang Tô, Việt Chiết Giang.

8. Ngô, Việt ngữ : Giang Tô, Chiết Giang - Việt xưa.

9. Điền Kiềm ngữ : Vân Nam.

Với một sự đóng góp cả về nhân số lẫn văn hóa lớn lao như vậy mà lại bỏ quên thì có dùng chữ cướp tương không quá khích chi cả.

Thế là tạm xong, người Tàu có mượn của Việt cả văn minh (nỏ, đũa, thuyền, thủy vận) lẫn văn hóa : đạo thờ trời, gia tiên, ngũ hành, giọng nói... Vậy thuyết cho

rằng người Việt đã đóng góp vào việc hình thành Nho giáo có nền tảng.

G. PHẦN ĐÓNG GÓP CỦA DÂN GIAN.

Đề quyết trên càng rõ hơn khi ta chú ý đến điều này là văn hóa trong các xã hội Việt nho được kiến tạo đầu tiên do dân gian, nhất là dân gian nước Sở, tức là Kinh Việt của tiền nhân ta dưới triều đại Kinh Dương Vương mà chúng tôi đã nói nhiều nơi về phần đóng góp quan trọng của dân gian, cũng như việc nhà Hán dùng dân nước Sở làm chủ lực thế mà dân Sở là Hoa gốc Việt, nên Hán chính là dân Kinh Việt.

Xét như trên thì những câu kết luận táo bạo của chúng tôi có đầy căn cứ, phương chi sự táo bạo cũng nhiều khi rất cần thiết trong phạm vi khoa học, dầu có sai đi nữa nhưng chính chúng mới làm cho khoa học tiến bước. Giá trị của chúng là khơi dậy sự chú ý, tạo dịp cho những chống đối, bắt phải điều chỉnh... Đây là những tác động hợp khoa học vậy.

II. THỬ ƯỚC LƯỢNG ĐỘ SỐ ĐÓNG GÓP CỦA LẠC VIỆT.

A. NHỮNG PHÂN BIỆT CẦN THIẾT.

Trước hết cần nói về nội dung hai chữ Hán nho và Việt nho. Đó là bộ danh từ tôi đặt ra để chỉ hai thứ nho khác nhau. Tôi rất lấy làm lạ tại sao các cụ xưa đã không chú ý tới sự phân biệt nền tảng này, chỉ bằng lòng với hai bộ danh từ Vương Đạo, Bá Đạo, mà không bàn tới nguồn gốc, cũng như những sự kiện lịch sử lớn lao có chứng tích như vụ Thạch Cừ, càng không kê khai ra những dị biệt căn bản giữa hai thứ nho. Theo tôi đó là sự thành công của nhà Hán trong việc xuyên tạc Nho giáo, xuyên tạc tài tình đến độ người sau không chú ý tới việc xuyên tạc nên đó cũng là dấu chỉ sự thất bại của Nho giáo đã không vươn lên được trải hàng ngàn năm. Mãi cho tới thời hiện đại mới được các nhà nghiên cứu Tây phương chú ý tới và phân ra cẩn thận hơn, thí dụ ông René Grousset cũng như ông Demiéville thì phân ra confucéisme là Hán nho (*La Chine et son art*, p. 42). Tuy nhiên học giả Tây phương có phân biệt nhưng chưa một ai khai thác sự phân biệt đó đến cùng triệt nguồn ngọn, nên vẫn còn là một thiếu sót trầm trọng và vì thế

chúng tôi thử làm đề bù đắp.

Sở dĩ tôi không chấp nhận những bộ danh xưng trên vì quá hẹp chưa bao quát nổi vấn đề nguồn gốc cũng như sự sâu xa của triết nho mà Hán nho đã không nhìn ra. Vì thế mới phải đặt ra cặp danh xưng Hán nho và Việt nho. Với danh từ Hán nho tôi không những muốn chỉ cái nho tự đời Hán đã bị xuyên tạc mà chứng tích là thư viện Thạch Cù (xem Cửa Không chương II) và tính chất là pháp hình tức quá nặng lý sự đến át tình người, mà còn muốn gộp vào đó cả yếu tố du mục như là nguồn gốc, dầu sau này có Hoàn toàn nông nghiệp nhưng nếu còn đặt quá nặng lý trí, đề cao tù trưởng (vua) đến độ chuyên chế, đàn áp đàn bà, đặt ra các đặc quyền kèm theo giai cấp... thì vẫn cứ là du mục. Về điểm này đọc giả tham khảo trong hai quyển «Cơ cấu Việt nho» và «Triết lý cái Đình» chúng tôi đã giải thích tường tận và sẽ bàn thêm ở dưới. Còn bên vương đạo thì chúng tôi gọi là Việt nho đi với nông nghiệp vì có những đức tính khác như nặng tình cảm, không đàn áp đàn bà, óc công thủ thay cho đẳng cấp hay đặc ân, đề cao kinh nghiệm (trọng sĩ) hơn là sức mạnh tức đặt văn trên võ. Những điểm này được phân tích tới cùng triệt và được trình bày theo lối tổng hợp Đông Tây và tôi gọi là Việt nho, theo nghĩa nho siêu việt, siêu hình. Kèm theo đó còn một nghĩa nguồn gốc : Việt nho đó là của người Việt

hiểu cả về xưa lẫn nay : xưa là tổ tiên Lạc Việt đã đặt nền móng, còn nay là có người Việt khai quật lên. Giả thuyết này được đưa ra là cốt để bơm sinh khí cho làng văn học Việt Nam mà thôi, nên danh nghĩa hai này rất là tùy phụ, nghĩa siêu hình trên mới là chính cốt. Tôi sẽ trở lại điểm này sau.

Bây giờ xin tiếp tục bàn đến phương pháp mới gọi là «chỉ số văn hóa» tức là lên sổ những yếu tố căn bản của nho rồi cho số điểm của Hán nho và Việt nho để xem hơn kém. Vậy trước hết xin phân tích Việt nho ra các điểm then chốt. Có hai tiêu đề lớn một là cơ cấu hai là nội dung. Mỗi đảng chỉ xin lấy 5 điểm làm mẫu.

B. NỘI DUNG.

1. - Nhân chủ.
2. - Dân chủ.
3. - Bình quyền mọi người.
4. - Bình quyền nam nữ.
5. - Bình quân tình lý.

Cơ cấu gồm các số sau :

6. - Nhất= Thái cực.

7. - Nhị=Lưỡng nghi.

8. - Tam= Tam tài.

9. - Ngũ= Ngũ hành.

10. - Cửu= Cửu nữ.

Thế là có 10 mục mẫu. Tất nhiên có thêm được nhiều nhưng lấy 10 cho gọn. Mỗi đề cho tôi đa 10 điểm cộng cả là 100 điểm, 50 điểm là trung bình, đỗ hạng thứ; 60 bình thứ, 70 ưu... Vậy bây giờ chúng ta đi vào chi tiết.

1. Điểm nhất là dân chủ : Nhân chủ là khi xem con người đứng độc lập với trời và đất và tự làm chủ lấy bản thân mình, nghĩa là những thể thái sinh động giao liên được căn cứ trên bản tính con người hơn là trên những qui luật phát xuất tự trời hay đất. Và đó là thái độ độc lập căn bản làm nên nhân chủ tính, đưa lại cho con người qui chế vương giả, đường Hoàng trong cõi riêng của mình. Nhưng độc lập mà không cô lập vì vẫn giữ liên hệ với trời với đất, bởi vậy gọi là nền nhân bản thái hòa. Nó khác với duy thiên là đi hẳn với trời (bái vật) cũng như duy địa đi hẳn với đất (duy vật) mà còn

khác cả duy nhân nữa, vì thuyết này đối lập với trời cùng đất, coi người là trung tâm duy nhất. Ngược lại nhân chủ của Việt nho đứng trong thể tam tài tức có liên hệ mật thiết với trời cùng đất. Vậy phải gọi là nhân chủ, mà lý tưởng là phụng sự con người khi sống cũng như lúc chết, và do đó mà có lẽ gia tiên kẻ được như biểu hiệu của nhân chủ tính, nên gia tiên chỉ có ở những nơi nào có nhân chủ tính. Đó là nét đặc trưng của Lạc Việt y như tam tài cũng là nét đặc trưng vì nó đặt con người ngang hàng cùng trời đất. Vì trong đó con người được tự do không phải nô lệ cho ý hệ nào. Không có chuyện giết người hay bắt người hi sinh cho những tư tưởng Tàu còn chôn người theo kẻ chết chứ Việt Nam thì không. Bách Việt cũng giống như tất cả mọi chủng tộc, ban đầu cũng đi qua bái vật : hi sinh người cho thần minh như giết người tế thần, nhưng rồi Việt bỏ tục man rợ đó trước Tàu, vì mãi tới thời Chiến Quốc mà Tàu còn giữ tục dã man đó. Vậy thì nhân chủ tính nên quy cho Hán hay Việt ? Hán nho xét như là du mục nơi nhà cai trị quen xem bị trị như kiêu đoàn vật, thì không thể nào chịu để cho nảy sinh óc nhân chủ : sợ sẽ khó bảo. Vì thế mà tôi cho nhân chủ là của Lạc Việt đến 80%. Bây giờ bàn đến dân quyền.

2. Dân quyền : Đây là hệ quả của nhân chủ. Vì hễ đã là nhân chủ chân thực thì quyền bính được đặt trong tay nhân quyền nghĩa là ai nhân đức nhất tức thực hiện được nhân tính nhất thì nắm quyền bính. Đây là nói lý thuyết mà không kể hiện thực ít khi đạt. Tuy nhiên vẫn đáng nói vì có tiến trên lý thuyết rồi mới tiến được trên thực hiện. Lý thuyết là tiền hô nên thắng trên lý thuyết cũng là chuyện rất cam go phải cả từng ngàn năm mới đạt. Vậy dấu hiệu của dân quyền chân thực là trong xã hội không còn thiên quyền địa quyền. Thiên quyền là thần quyền, theo cái nghĩa là có hàng tăng lữ nắm chính quyền hay ra lệnh cho những người nắm chính quyền như trong xã hội Âu Á thời Trung cổ vua phải tuân lệnh quyền đạo. Còn địa quyền là những thế lực tài chính như bên Âu Châu sau cách mạng 1789 cho tới ngày nay. Cả hai thời đó chưa có dân quyền. Cái gọi là dân quyền ngày nay chỉ là hình thức, trong thực trạng là các thế lực kim tiền nắm trọn. Về điểm này thì Việt Nam vẫn hơn Tàu, thí dụ xã thôn Việt Nam dân chủ hơn hẳn xã thôn Tàu ³ cũng như lễ gia tiên không bao giờ dành cho quý tộc như bên Tàu. Khác bên

3 Về điểm này nên đọc quyển Việt Nam sociologie d'une guerre có thể nói toàn quyền đặt nền trên cái làng Việt Nam. Nhất là những trang 280. Tây cố phá làng Việt Nam ra sao... trang 330.

Tàu pháp gia (thương gia) đã ảnh hưởng khá mạnh vào chính quyền. Tức là để cho thế quyền (địa) nắm chính quyền mà không còn là nhân quyền. Vì thế ở điều này ta cũng có thể quy cho Việt Nam đến 70%.

3. Bình quyền : là hết mọi người đều được hưởng quyền lợi như nhau : cùng ăn cùng chịu, không có đặc ân đặc quyền. Bởi vì nhân chủ coi mọi người đều là người nên mọi người đều được quyền lợi như nhau. Vì thế không có đặc quyền làm người dành cho một thiểu số, ngoại giả là nô lệ. Cũng không có đặc quyền tài sản dẫn đến tư sản tuyệt đối, nhưng ai cũng được tham dự vào tài sản chung gọi là bình sản. Về điểm này tuy tôi chưa để tâm nghiên cứu tỉ mỉ, nhưng có thể nói chung là Việt Nam trội vượt hơn bên Tàu. Bên Tàu không kể đến những triều ngoại quốc như Mông Cổ thì tài sản tích lũy lại quá nhiều trong tay triều đại và thân thích, đến như những nhà bốn quốc thì sự chênh lệch cũng đầy. Tôi đọc thấy chẳng hạn đời Tống ruộng công chỉ còn 4% so với bên ta năm 1940 còn được đến 20% (tất cả những chi tiết này xin dành lại cho những người đang đi tìm đề tài luận án cao học hay tiến sỹ...) vậy điểm này có thể quy cho Việt Nam ít ra 60%.

4. Bình quyền nam nữ : Điều này chỉ là hệ luận của điểm 3. Nhưng vì địa vị đàn bà có một nét biểu tượng rõ ràng hơn nên chúng ta để riêng ra một số. Nói chung từ trước đến nay đàn bà ở đâu cũng bị lép vế, và mãi tận ngày nay vẫn còn phải có những mặt trận tranh đấu cho nữ quyền. Nhìn trong chiều hướng chung đó ta có thể nói ở Việt Nam thì tương đối đàn bà được tự do tuy sau bị ảnh hưởng Hán nho có sút mẻ nhiều nhưng nói chung đàn bà vẫn tự do hơn bên Tàu, đến nỗi có những học giả cho rằng điểm duy nhất Việt Nam nổi vượt không những hơn Tây mà còn hơn cả Tàu là địa vị đàn bà ngang hàng với đàn ông. La Femme Annamite P : 16 Lustéguy). Không nên nói rằng xưa kia đâu đâu cũng như vậy, vì lúc ấy kể như chưa có văn hóa. Có văn hóa tự lúc con người can thiệp sắp xếp sao đó, và tự lúc ấy thì ta thấy rõ là có sự khác nhau giữa Tàu và ta mãi tự xa xưa rồi. Mãi tự đó ta đã thấy phụ nữ Việt Nam nắm quyền tư tế (các bà đồng) hay ít nữa là đồng tế trong lễ gia tiên. Về tài sản tuy chồng làm chủ nhưng đó là tự nhiên, trong nhà một chủ mới ổn, người đó tất nhiên là chồng nhưng khi chồng chết thì đến lượt vợ, chứ không có chuyện bà góa không được quyền hành chi trên tài sản như bên Tây phương. Có người xin tha cho thuyết «văn minh công gấp văn minh lệnh» nhưng tôi có nói gì khác hơn là đưa ra một số quyền lợi mà phụ nữ Viễn

Đông vẫn giữ được trội vượt hơn hai nền văn minh Âu Á ? Và cả bên Tàu nơi người chồng xem vợ con như nô lệ ? Vì thế điểm này tôi cho Lạc Việt 70%

5. Quân bình tình lý : Hay nói khác là văn võ song hành. Văn đi với tình người, võ đi với lý sự. Tôi thích nhìn bên chiêu là biểu thị tình người vì đi về tay trái là bên có trái tim, nên là bên tâm linh, còn bên mục là tay mặt là sức mạnh. Đại khái thuyết chiêu mục chỉ nói có thể không hiểu vì lý do nào có người muốn bác đi mà vẫn đồng thời công nhận «tả nhậm» là nét đặc trưng của Lạc Việt, đang khi người Tàu nhiều thời trọng bên mục : nhà Thương, Chu, Tần... Còn chuyện người Tàu nặng lý trí, còn tâm tình cần cỗi thì hiển nhiên. Vì thế nhiều khi chiêu được coi trọng như mục hay có khi còn hơn thì là biểu thị cho vị trí tình vẫn được duy trì cân đối với lý làm nên nét đặc trưng là tình lý tương tham và tôi cho là sự quân bình nay thuộc Viêm Việt đến 80%.

Bây giờ bàn đến cơ cấu tức là cái khuôn tiên thiên dùng để diễn tả những ý tưởng chính. Đó là những lược đồ, những biểu tượng như tròn vuông, kinh vĩ v. v... hay là những huyền số. Có tất cả 10 số trong đó quan trọng hơn cả là 1, 2, 3, 5, 9. Ta sẽ lần lượt bàn :

6. Số một : Trong cổ sử Tàu có hai lối biểu thị con số quan trọng này là vòng tròn phẳng, đôi khi có lỗ ở giữa, hai vòng tròn gắn liền với âm dương và gọi là vòng thái nhất. Về vòng một không có gì đáng nói lắm vì là của chung nhân loại đâu đâu cũng có và câu nói Thượng Đế là một vòng tròn là thí dụ (xem bài Thái cực trong chữ Thời). Vậy thì điều đáng chú ý ở đây là cái thái nhất hay vòng thái cực mà cũng gọi là nhất nguyên lưỡng cực được dùng tới nhiều nhất và được coi là đặc trưng của Viễn Đông và tôi cho là thuộc Bách Việt đến 80% như sẽ bàn rõ hơn ở số 2 sau, vì một đảng thích nghi với tiềm thể gọi là âm, một đảng thích nghi với xuất lộ gọi là dương. Đó là hai mối thích nghi bao quát, không bao giờ được li lìa, bởi đó là đạo. Kinh dịch viết «nhất âm nhất dương chi vi đạo». Câu ấy nói lên sự bao quát của đạo cả âm lẫn dương. Cả trời cả đất cùng với người làm nên nhất thể. Có lẽ đây là chỗ phải nói đến mái nhà cong và thuyền cong mũi của Lạc Việt thì hầu chắc là do ảnh hưởng này, bởi xét về đảng thực tế thì mái cong nóc oằn thật là vô ích. Vì không phải để tránh tuyết. Người Tàu còn ở mạn Bắc hơn nghĩa là gần tuyết hơn vậy mà góc mái nhà của họ lại thẳng, cho nên góc mái cong nóc oằn chỉ có thể do triết. Vì mái cong là của Lạc Việt nên tôi cho vòng thái nhất là của Lạc Việt đến 80%.

7. Số hai : Trên kia mới là vài dấu bên ngoài, cái nét đi đôi nền tảng hơn hết là âm dương. Hai nét này tôi cho là của Lạc Việt đã được kiểu thức hóa từ đạo phong nhiêu mà nghi lễ căn bản là các bà tư tế xin mời trời giao hợp với. Do đó sau này gọi là lễ tế giao đã được lý tưởng hóa; còn nguồn gốc là sự giao hợp được biểu thị trong hai nét âm dương, một cơ một ngẫu. Các nhà nghiên cứu Âu Mỹ đầu tiên cứ bị ám ảnh vì chuyện này và cho rằng âm dương chỉ là đạo phong nhiêu tức là cơ quan sinh dục trá hình. Tôi cho đúng như thế, nhưng không là trá hình mà là được kiểu thức hóa để theo nhịp tiến của con người. Những bức chạm tro hình bà Nữ Oa và Phục Hi cuốn lấy đuôi nhau có thể được xem như những khoen trung gian. Còn chặng đầu thì dấu cụ thể như hai thân Nam Nữ ôm nhau trong thể giao hợp gặp đầy bên Tây Tạng, hay trong những tượng rời nhận thấy trên những bình đồng đào được ở Đào Thịnh (Lao Kay) có 4 đôi nam nữ giao hợp. Rồi tiến đến đợt nhì là hình Nữ Oa Phục Hi quấn lấy đuôi nhau; ở đây đuôi thay cho cơ quan sinh dục. Chặng cuối cùng sẽ là một nét âm đứt với một nét dương liền nên âm dương chính là tiếp nối đạo phong nhiêu. Vậy mà tôn giáo phong nhiêu (fécondité) là nét đặc trưng của Viêm-Việt nên tôi cho số hai là thuộc Việt đến 90%. Có hai số sinh chỉ đất là 2 và 4. Xem ra Lạc Việt chú trọng đặc biệt số 2

như có thể thấy những liên hệ ngầm nào đó với số 2, được kể như đạo (nhất âm nhất dương chi vi đạo) mà đã là đạo thì không thể li lìa dù một giây. Vì thế sứ mệnh đã trao vào tay Lạc Việt con số hai để biểu lộ ra trong những việc căn bản hơn hết của con người là ở, ăn, nói.

Ở là nhà nóc oằn mái cong (cong do ảnh hưởng lưỡng nghi).

Ăn là đôi đũa...

Nói là thích dùng nhị âm : như chiếu chẵn, non nước, chợ búa, viết lách, quan kiéc. Người Tàu độc âm.

Làm thì có thể biểu thị bằng «Tị dục điều» sách nhĩ nhĩ nói phương Nam có loài chim liền cánh không bao giờ bay mà không liền cánh, gọi là kiêm kiêm. Đó là điều biểu thị cho mọi việc làm đều có lưỡng tính.

Vì thế số hai thuộc Lạc Việt đến 90% và do đó Lạc là chủ Kinh dịch một quyển kinh xây trọn vẹn trên hai biểu tượng âm dương.

8. Tam tài : Đây là hệ quả của hai nét trước, nó làm nền móng cho nhân bản, cũng gọi là nhân chủ. Đó là điều tôi khám phá thấy trong Nho giáo, một nền nhân bản tâm linh trung thực nhất, vì được xây trên nền siêu hình là tam tài. Và chính vì thế mà tôi chú ý đến số 3

lâu trước khi chú ý đến câu «tham thiên» trong kinh Dịch, với hai hướng Đông Nam. Có người cho rằng : sở dĩ hai hướng Đông Nam cũng như hai số 3, 2 được quan trọng vì đó là hai hướng người Tàu thấy mầm ăn được nên coi trọng chứ chẳng có triết lý nào hết. Đó là nói phỏng chừng. Xưa nay rất nhiều dân đã thiên di tự Bắc xuống Nam, tự Tây sang Đông mà sao lại chỉ có văn hóa Tàu mới quan trọng hóa hai hướng đó thì không thể quyết đoán suông kiểu duy vật, tức là do việc làm ăn được, mà phải giải nghĩa theo lối tâm linh, vì đó là bầu khí văn hóa với hệ thống các con trong đó có số ngũ hành, hồng phạm, cửu trù, cũng như thuyết địa lý, phong thủy, coi hướng, coi giờ... có thể là những biến thể của một niềm tin nào đó. Niềm tin đó chính nền tảng đã được hệ thống và kiểu thức hóa như thấy rõ trong nguyệt lệnh : phương Đông đi với số 3, màu xanh v. v... thì không còn là một sự tin thường mà là một nền triết lý tức đã được những phần tử sáng suốt nhất trong dân nước chấp nhận, phát huy và hệ thống hóa. Vì thế mà tôi cho là của Lạc Việt đến 80%.

9. Số ngũ : Bây giờ đến số 5 thì rõ rệt đây là con số nổi của Đông Nam; của văn minh mẹ. Tuy đâu cũng có dùng biểu hiệu số 5 nhưng không đâu nó được quan trọng hóa như ở vùng Lạc Việt. Vì ngự ở trung cung của ngũ hành và do đó trở nên then chốt cho nguyệt lệnh rồi

Hồng Phạm, Cửu Trù là cái lý tưởng uyên nguyên của Lạc Thư. Vì thế mà ta có thể gặp lu bù số 5 ở phía Nam hơn ở phía Bắc : ngũ lĩnh, ngũ khê, ngũ hồ, ngũ cốc, ngũ âm... tất cả đều phát xuất tự ngũ hành. Thế mà riêng ở Viễn Đông thì ngũ hành xuất hiện trước hết ở miền Đông và Kinh Việt (xem Need II 244, 246, 355), rồi sau người Tàu mượn. Mượn từ lúc nào ? Chắc không phải thời nhà Chu mà ít ra ngay từ đời nhà Hạ «Lúc trời ban cho Hạ vũ Lạc thư» (Xem bài Qui lịch và Ngũ hành trong Chử thời).

Còn có thể kể ra phận dã nước Việt có sao tinh là nguyên ủy khung Lạc thư, vì thế mà tôi cho Lạc thư chính là điển chương của dân Lạc Việt và số 5 thuộc Lạc Việt đến 80%.

10. Số cửu : Đây là con số hơi khó nói vì nhiều nơi xài, như Mông Cổ v. v...tuy nhiên xem gần ta nhận ra một sự khác biệt là nó được Lạc Việt chú ý đặc biệt bằng hệ thống hóa : như tự Tam miêu lên ngũ hành rồi cửu Lê và tự nhân lên thành 81 chi hội của Si vu (9 x 9) thì đó là dấu rõ của việc hệ thống hóa mấy số trên. Còn Hiên viên tù trưởng của Hoa tộc khi đầu chia nước thành 6 châu thì cũng không là 6 châu mà hầu chắc chỉ tâm hồn hướng theo lối du mục ưa số chẵn là số biểu thị triết học vòng ngoài chạy theo lưu tục (một chiều)

thường là của phương Bắc được ám chỉ trong câu «con sông lục đầu sáu khúc nước chảy một chiều anh ơi» tuy sau Hoàng Đế có dùng số 9 nhưng là sau khi thắng Sĩ Vưu mới dùng và cũng chỉ dùng phát phơ, còn cách triết đề thì phải kể từ ông Hạ Vũ, đến nỗi người ta cho văn minh Tàu có tự lúc biết xây nhà, có thể tập và chia nước làm 9 châu. Vì thế nước Tàu kể là có nhà vua cũng như Kế tập tự ông Hạ Vũ. Tuy nhiên đó chỉ là huyền sử tức không có thực mà chỉ có thật nghĩa là có như một lý tưởng tiên thiên. Vì thế bản đồ cửu châu hình học theo kiểu Lạc thư phải vẽ theo hình Lạc thư mới đúng ý nghĩa thâm sâu của nó. Đón xem bài «Vũ chú cửu đỉnh» trong quyển «Cơ cấu Việt nho». Thiên đó nói về đào sâu sông thì ít mà đào sâu triết (tuân triết) thì nhiều. Triết nào ? Thừa là nền triết tàng ẩn trong Hồng Phạm của Lạc Thư, diễn bằng các số 2, 3, 5, 9, v. v... và như thế tôi có quá đủ lý do mà bảo số 9 thuộc Viêm Việt đến 70%.

Kết.

Thế là tạm xong cuộc «đo chỉ số văn hóa» ta hãy tóm lại một bảng để nhìn bao trùm xem mỗi điểm Viêm Việt được bao nhiêu :

A.

1. Nhân chủ được 80% hay là 8 điểm
2. Dân quyền được 70 hay là 7 điểm
3. Bình quyền được 60% hay là 6 điểm
4. Bình quyền nam nữ được 70% hay là 7 điểm
5. Tình lý tương tham được 90% hay là 9 điểm

B.

6. Thái nhất được 80% hay là 8 điểm
7. Lương nghi được 90% hay là 9 điểm
8. Tam tài được 70% hay là 7 điểm
9. Ngũ hành được 80% hay là 8 điểm
10. Cửu lê được 70% hay là 7 điểm

72

Tổng số là 72 vo tròn lại là 70. Có nhiều số cho điểm còn quá ngặt. Chẳng hạn mục Tam tài lẽ ra phải cho đến 8, 9 điểm, vậy mà lại được có 7 thì hơi oan cho Viêm Việt. Nhưng việc cho điểm số rất dễ chủ quan. Mỗi độc giả thử cho điểm lấy xem sao. Riêng phần tôi muốn cho

điểm hơi ngặt là cốt để ăn chắc.

Bây giờ ta đi đến kết luận, thường thì chỉ cần 50 điểm đã đủ, tức đã đủ lý do lập ra một giả thuyết, vậy mà đây đạt 72 thì kể là ưu hạng, tức giả thuyết có đủ nền tảng để lên bậc chủ thuyết : rằng trong Nho giáo sơ khai người Lạc Việt đã đóng góp lời quá bán phần vậy.

PHỤ TRƯỞNG

IX. Những học giả mở đường cho thuyết Việt Nho

Có vài bạn rất hoan nghênh triết thuyết Việt Nho theo nghĩa an vi, nhưng muốn tôi từ bỏ Việt Nho theo nghĩa thứ hai là Nho của Lạc Việt, vì quá động trời, không những trái với sử sách mà còn có thể gây bất tiện hoặc làm trò cười cho người, vì sợ tôi nói ầu theo lòng ái quốc quá khích chứ không có căn cứ khoa học. Mấy bạn đó muốn đã viết ra là phải viết sao cho quốc tế đọc, chứ không chỉ viết cho người mình. Đó là những lo ngại do cảm tình với chúng tôi, vì thế mới có những giòng này để các bạn đó yên tâm.

Trước hết tôi thấy không có gì gọi được là di hại cho ai cả. Trước hết là riêng cho tôi vì đó chỉ là giả thuyết có chiếm nhiều lắm cũng mới chừng 10 % trong công trình chung của tôi, nếu sau này có ai bác được thì triết thuyết an vi vẫn còn đó, vì hai đảng có nền tảng độc lập.

Thứ đến cũng không có di hại cho sinh viên, vì theo tôi thì đại học không những truyền đạt những tri thức đã sở đắc mà còn phải tìm thêm những chân trời mới. Mà đã nói tìm cái mới thì phải đặt giả thuyết làm việc để hướng dẫn sự tìm kiếm. Sau này nếu không bị loại bỏ

thì giả thuyết trở thành một chủ thuyết, tức là mở rộng thêm chân trời, còn nếu bị bác bỏ thì cũng còn lại được một số khám phá. Đó là nhiệm vụ của đại học. Đưa ra lý thuyết rồi lại đem ra một thí dụ để thực tập, sai đâu sửa đó. Thế thì có chi đi hại đâu. Nhất là tôi chỉ coi đó là phần phụ nên ít khi đem ra thuyết trình ở đại học. Đôi khi có nói đến thì cũng phớt qua, và là những lúc giải trí. Vì tuy chỉ là một thử thách đi tìm cái mới đưa ra cho sinh viên tập làm việc, nhưng vì chiến tranh liên miên, nên trình độ sinh viên chưa đủ sức với tới và nhất là tài liệu quá thiếu thốn không đủ tạo điều kiện làm việc, nên tôi giảng về triết thuyết an vi quá 90 %, còn Việt Nho chỉ lâu lâu nhắc đến cho vui, chờ đợi thời bình sẽ đi sâu.

Sau cùng tôi cũng không thấy có bất tiện nào đối với Tàu hay giới học giả quốc tế, vì đây không là chính trị, mà chỉ là vấn đề văn học khoa học, thì ai cũng có quyền đặt giả thuyết, miễn là phải theo phương pháp khoa học. Mà cho được như thế thì cần nền tảng khoa học, mà trước hết các tài liệu đã được giới học giả quốc tế nhìn nhận là đúng đắn, được dùng khắp trên thế giới; sau là các khoa phụ trợ cũng phải được nhìn nhận như tâm phân, xã hội học, nhân chủng học. Có người hỏi tại sao có quyền thu gọn vào vài điểm như du mục và nông nghiệp. Xin thưa nhờ những khoa nhân văn mới đó. Thí dụ Cơ cấu luận thì mục đích là đi tới tổng

hợp, đi tới mấy hằng số, ... nhờ đó mà tôi dám đưa ra những cặp danh từ nông du, chiêu mục, số hóa, số phá... Nhưng đây là phần tế vi đã đi sâu vào triết rồi, nên xin thông qua. Bây giờ tôi chỉ xin nói đến các tài liệu đã được sử dụng trong việc đưa ra giả thuyết Việt Nho.

Có người cho là tôi bất kể tới lịch sử. Điều đó không đơn sơ như vậy.

Tuy không chú ý đến lịch sử do người Tàu và Ta viết, nhưng còn do những học giả quốc tế thì có chứ. Sở dĩ như vậy vì nghĩ rằng cái nhìn của họ vừa vô tư, vừa theo phương pháp khoa học hơn các tác giả Tàu và Việt.

Trong bài này tôi nói đến một số người mà tôi có may mắn được đọc. Tôi gọi may mắn vì sự tìm tài liệu về cổ sử nước nhà cả là một chuyện diệu vợi, tôi không hề dám tự phụ là biết hết như có người gán bừa cho tôi rồi lại chứng minh là chưa biết hết ! Thuyết Việt Nho gồm hai đề quyết lớn :

- Một là người Lạc Việt làm chủ nước Tàu trước.
- Hai là người Lạc Việt đã góp công vào việc hình thành Nho giáo sơ khởi.

Theo đó, các tác giả gọi được là mở đường cũng có hai loại :

Loại đầu giúp cho thấy sự thực thứ nhất là các ông D'Hervey, De Lacouperie, Eberhard, và nhóm đại học Yale v. v... Còn đề quyết thứ hai thì các ông Granet và Paul Mus v. v. . Hai chữ vân vân muốn nói đây chỉ là những đại biểu vì không thể kê khai hết mọi sách đã đọc : việc đó buồn tẻ. Nhưng điều muốn nói ở đây là đường hướng của mấy người đại biểu kia.

Người đầu tiên phải kể là bá tước D'Hervey De Saint Denys.

Dịch giả bộ «Văn hiến thông khảo «của Mã Đoan Lâm (một Tổng Nho thế kỷ 13) với nhan đề là Ethnographiedes peuples étrangers à la Chine par Ma Toan Lin. 1876. D'Hervey là giáo sư dạy tiếng Tàu tại Paris và có chân trong Viện Hàn Lâm Pháp. Ông là người đầu tiên đã hé nhìn thấy sự thực khác với cái nhìn thông thường của các học giả. Ông viết về học giả Klaproth cũng như các người đương thời khi họ than phiền vì thiếu tài liệu nói đến những dân đã vào nước Tàu trước, thế mà lại không nhận thấy là đã có khá nhiều rồi đó, trong quyển «Văn hiến thông khảo ». Là vì quá quen với quan niệm coi toàn nước Tàu này đã được chia ra như vậy từ lâu, ngay từ đời Mã Đoan Lâm, mà không ngờ là họ Mã nói đến

những dân bên ngoài bờ cõi nước Tàu (lúc ấy) Chính tôi (D'Hervey) cũng bị lầm như vậy khi đọc đến phần dành cho các chi tộc miền Nam. Tôi cứ tưởng Nam là những miền thuộc Vân Nam hay bán đảo sông Hằng bên Ấn Độ, ai ngờ Nam ở đây lại là bờ sông Dương Tử ở giữa nước Tàu, nơi ấy tôi thấy họ còn giữ được một nửa địa bàn tổ và dần dần tôi mới nhận ra sự giả tạo của cái nền thống nhất chính trị (nước Tàu) đã lừa gạt biết bao nhà nghiên cứu về Đông phương».

«Sự thực là từ Đông sang Tây một miền nằm từ Bắc sông Dương Tử mấy trăm dặm mà trở xuống toàn là thổ dân chưa hẳn suy phục Tàu, mà chỉ có mấy ông quan người Tàu cai trị. Phía Nam nữa là những nước còn đứng nguyên vẹn, có vua và luật pháp riêng, thuộc chủng tộc riêng. Vua Tàu có phong tước ban ấn và bắt nộp một số cống phẩm thì chẳng qua là để che đậy những sự sát nhập hão huyền. Chứ thực ra thì thế kỷ 13 nước Tàu chưa to bằng một nửa ngày nay, và tuy đế quốc Tàu có lịch sử văn minh và thể chế lâu đời cả hàng 30 thế kỷ nhưng xét về diện tích và nền thống nhất như nay thì kể là còn khá mới (P. III.)

Ta có thể thấy chứng minh điều đó khi họ Mã kể lại chuyện Tù trưởng của man Di tên là Hoàn Đản đã mở rộng biên cương đến bờ sông Hoàng Hà và đặt nền

ngoại giao với triều đại Bắc Ngụy là Hiếu Văn, niên hiệu Diên Hưng (471- 475) và nhận được chức «Chính Nam tướng quân, Kinh Châu thứ sử Tương Dương vương ». Đó là chỗ ông D’Hervey nhận xét về địa bàn của chủng Bàn Hồ ăn tới bờ sông Hà, còn miền Nam thì họ không đi qua phía Quý Châu và miền Nam. Tù trưởng của chủng này tên là Hoàn Đản đóng đô ở Tương Dương (hầu chắc là Hồ Bắc cách Dương Tử Giang 400 dặm). Nước Tương Dương này không còn để dấu vết nào trong sử sách nhưng nó rộng hơn bất cứ nước chư hầu nào đời Chu. Sở dĩ họ đi với Bắc Ngụy là để đổi dịch với Tống triều đang đóng đô ở Biện Phong (nay là Khai Phong, phủ Hà Nam)(Mã 23) Sử liệu trên cho thấy rõ biên cương Tàu vào thế kỷ thứ 6 hãy còn hẹp, sau này mở xuống dần dần nhưng toàn bằng lỗi nạp cống, là thứ gây tốn kém cho Tàu nhiều, nên năm 1163 Tống Hiến Tông đã bãi bỏ việc triều cống và cấm người Tàu mua bán đất với người Man Dao (Mã 32, xem thêm 34).

Trở lên là ít trang tôi trích dịch từ bài tựa của bá tước D’Hervey. Tuy không đồng ý với ông hết, nhưng dầu sao ông cũng gióng lên một tiếng chuông để phòng sự tin tưởng quá đơn sơ vào nền thống nhất của nước Tàu mênh mêng.

Sự thực thì nó không mênh mêng như người Tàu

quen tưởng.

Bây giờ dẫn chứng học giả thứ hai là ông Terrien De Lacouperie, ông là người có chân trong Hàn Lâm viện Anh, Pháp, Tàu và dạy các ngôn ngữ ở Đông Dương tại đại học London, có trước tác nhiều, nhưng ở đây chỉ chú ý cách riêng đến quyển *The languages of China before the Chinese*. London 1887. Tái bản tại Đài Loan năm 1970. Trong quyển này tác giả đã phàn nàn về sự ít tài liệu khi cần nghiên cứu về các dân đã đến cư ngụ nước Tàu trước người Tàu. Lâu lâu sử Tàu dành cho họ vài chi tiết cách khinh thường. Người Tàu ngại sự nhìn nhận sự có mặt của những dân không phải là Tàu sống độc lập ngay trong giữa miền họ cai trị. Tuy họ không thể dấu sự kiện là họ đã xâm lăng, nhưng họ đã quen dùng những danh từ lớn, những tên địa dư rộng, để bịt mắt những độc giả không chú ý, hầu che đậy buổi sơ khai tương đối bé nhỏ của họ (*They have tried to the use of big words and large geographical denominations, which blind the unwary readers to shield their comparatively small beginning. p. 3*).

«Muốn tìm hiểu dân đó thì chỉ còn cách đi dò vết tích, nhưng vết tích quá ít vì cho tới nay người ta ít chú ý tới sự quan trọng lịch sử của các chủng tộc tiền Tàu trừ một hai chuyện gọi tò mò. tr. 140» Ông kết luận

rằng : «Niềm tin là nước Tàu vốn lớn lao mãi đã từ xưa và thường xuyên như thế chỉ là một huyền thoại. Trái hẳn lại đó là một việc mới xảy ra về sau. Văn minh Tàu không phải tự nó sinh ra nó mà là hậu quả của sự thâm hóa. Việc thâm hóa thì nay được nhiều người công nhận, còn thâm hóa tự đâu thì xưa cho là phía Tây, nhưng càng về sau thì càng đông người cho là tự Đông Nam. p. 4 «.

Người thứ ba là ông Wolfram Eberhard giáo sư đại học California, có dạy tại đại học

Bắc Kinh và là tác giả quyển : «A history of China «do đại học California xuất bản năm 1955. Ông viết : «Ý kiến cho rằng chủng tộc Hán đã sản xuất ra nền văn minh cao đại Hoàn toàn tự lực do những tài năng đặc biệt của họ thì nay đã không thể đứng vững, mà nó phải chịu cùng một số phận như những thuyết cho rằng họ đã thâm nhận của Tây Âu. Hiện nay người ta biết rằng xưa kia không có một chủng tộc Tàu, cũng chẳng có đến cả người Tàu nữa, y như trước đây 2000 năm không có người Pháp, người Suisse vậy. p..XIV. «Người Tàu «chỉ là sản phẩm của một sự pha trộn dần dần theo một tiến trình vừa phiến toái vừa lâu dài của nhiều chi tộc khác, y như các dân của các nền văn hóa cao hơn vậy. p. XV.» Ông viết tiếp : «Ta thấy rằng đã không có một nước Tàu văn minh còn chung quanh toàn là man rợ, nhưng chỉ

có một quốc gia Tàu sống ổn thỏa với các nước chung quanh cũng văn minh bằng, tuy theo đường lối khác»

Xin nhắc qua lại rằng Ông Eberhard đã dạy học bên Tàu và đã để ra nhiều chục năm nghiên cứu về phong tục, lễ lạy của các chi tộc mạn Nam có ghi trong quyển Chinese festival mà chúng tôi đã trưng trong quyển «Triết lý cái Đình». Trong đó tôi cũng có nhắc đến tài liệu của nhóm giáo sư đại học Yale bên Mỹ do ông Herold Wiens đúc kết trong quyển «Han Chinese expansion in South China 1967, nên ở đây tôi không nói chi thêm mà chỉ nhắc qua đến ý kiến của Conrady trong quyển China (Berlin 1908) được Henry Maspéro nhắc tới trong quyển Chine Antique p. 17 đại để như sau:

Theo sử gia trước thì cái nôi văn hóa Tàu nằm trong đồng bằng sông Vị và mạn Nam Sơn Tây, rồi từ đó tỏa ra vùng đồng bằng bên Đông (Sơn Đông).

Conrady cho rằng thuyết đó tuy được công nhận vì lâu đời nhưng thực ra không có nền tảng vững.. Trái lại phải đặt nôi đó vào trung lưu sông Hoàng Hà (vùng Lạc Dương) rồi từ đó tỏa ra Tây và Đông. Ông H. Maspéro cho là giả thuyết của ông Conrady đúng hơn thuyết xưa nhưng gặp khó khăn này là lúc ấy các vùng núi non miền Lạc Dương còn nằm trong tay Man Di, chẻ đôi

miền trung nguyên ra. Đó là ý kiến Maspéro, nhưng tôi có nhận xét rằng : sự hiện diện này không ngăn trở mà còn giúp vào việc cộng tác của văn hóa hai chủng tộc và hợp với khám phá mới hơn như đã nói ở chương đầu, và do đó Lạc Thu không thể là sông Lạc ở Thiểm Tây, mà phải là sông lạc ở Hà Nam, nơi có lu bù tên Lạc : Lạc Dương, Lạc Ấp, Lạc Thành... nghĩa là đã ngầm sâu biểu lộ nơi phát xuất chính.

Sau đây là số tác giả chú ý đến nghệ thuật nhưng cũng có nhiều nhận xét cùng chiều hướng. Trong quyển *Civilisation de l'Orient* phần la Chine ông René Grousset viết : «Đời sống người Tàu cổ rất hùng dữ và rất giống dân Mỹ Tây Cơ trong việc coi thường mạng sống con người». Câu này chứng tỏ tính du mục ưa võ biên của người Tàu thái cổ.

Sau đây là một sự phân biệt rất quan trọng đã được bà Paul David đưa ra trong quyển *Arts et Styles de la Chine*, Larousse 1951. «Không nên nói nước Tàu mà phải nói những nước Tàu : có nước Tàu mạn Bắc gọi là Cathay, có nước Tàu mạn Nam gọi là Manzi. Có Tàu xám mạn Bắc mặc áo len lông thú, uống sữa. Có Tàu xanh phương Nam mặc áo bông ăn gạo. Có Tàu đường sá, có Tàu sông ngòi, có Tàu xe ngựa, có Tàu thuyền bè». p. 7 «.Có thể nói thêm về nghệ thuật là có Tàu

Thao thiết, có Tàu Quỷ Long, có Tàu Điều Long, có Tàu Ngư Thú. Nhưng đây là vấn đề nghệ thuật dành lại cho một quyển riêng.

Trở lên là những tác giả mở đường cho đề quyết đầu tiên là người Lạc Việt vào nước Tàu trước... Nhưng các tác giả này dừng lại đấy và không một ai bước vào phần hai, là : Người Lạc Việt đã đặt nền cho Nho giáo sơ khai. Đề quyết động trời này thì chỉ có một tác giả giúp tôi vài nhận định sơ sài, đó là Marcel Granet. Ông theo phương pháp mới là tìm sự thực xuyên qua huyền thoại, rồi kiểm chứng bằng xã hội học. Đó là một phương pháp rất gần với phương pháp huyền sử của chúng tôi. Với cặp danh từ huyền sử tôi muốn nói lên hai tính chất, một là huyền, hai là sử.

Về huyền thì không là sử mà là lý tưởng được diễn tả bằng các sơ nguyên tượng, nên gọi là huyền thoại. Huyền thoại có hai thứ là thần thoại (thần làm chủ) và nhân thoại (người làm chủ). Đúng hơn là sơ nguyên tượng của nhân làm chủ. Vì thế mà huyền sử được dùng những tài liệu mà sử ký không được dùng, thí dụ :

- Lĩnh Nam trích quái.
- Việt Điện u linh.
- Liệt Tử.
- Nam Hoa chân kinh.

- Hoài Nam tử.
- Trúc Thu kỷ niên.
- Một số chương của Xuân Thu.
- Ngô Việt Xuân Thu.
- Thuỷ kinh chú.
- Sơn Hải kinh.

và bao sách khác. Đây là cả một cánh rừng cổ đại hoang vu mà huyền sử phải đi vào đặng tìm vết tích. Nhưng đó là việc điều vơi, vì người Tàu đã phá huyền thoại hoặc bằng cách huỷ bỏ hoặc đảo lộn thứ tự, đem râu ông lấp cằm bà. Làm thế nào tìm đủ tài liệu, rồi sau đó làm thế nào để đọc ra được cái ẩn ý của người xưa. May thay ông M. Granet đã khởi công đi vào lối này, nên tôi nhờ được khá nhiều do các công trình của ông như hai quyển *Dances et Légendes* và *Fêtes et chansons*.

Người thứ hai là ông Paul Mus với quyển *Việt Nam sociology d'une guerre*. Đây là quyển sách bàn về xã hội học cũng như văn hóa Việt Nam sâu sắc nhất mà tôi đọc được. Chương giúp tôi nhìn ra hướng Việt Nho hơn hết có lẽ là những trang 17 - 20. Đại để ông cho rằng Việt Nam có một cái bí quyết về sự độc lập, và cái bí quyết đó phải tìm ở đâu ? Không ở trong địa thế, vì địa thế bất lợi : Bắc bị Tàu chặn, Tây bị núi, Đông biển, chỉ còn mạn Nam thì đã có người chiếm cứ rồi và

do những dân rất mạnh. Chứng cứ là trước kia người Chăm đã nhiều lần uy hiếp Việt Nam, nhưng cuối cùng đã bị Việt Nam tiêu diệt. Vậy người Việt học bí quyết đó với Tàu chẳng. Nhưng nếu học với Tàu thì tại sao lại chống được cuộc đồng hóa của Tàu. Tại sao các dân ở Lưỡng Quảng, Quý Châu, Vân Nam gồm cả hàng mấy trăm chi tộc đã bị đồng hóa mà riêng Việt Nam từ bao thế kỷ vẫn lần tránh văn minh Tàu, hầu bảo vệ và duy trì nền văn hóa của họ. Nghĩa là người Việt mang trong mình những yếu tố của một nền văn hóa mạnh, và nơi biểu lộ nền văn hóa chính là cái Làng. Phải, cái làng Việt Nam mới chính là di sản sống động nhất của nền văn hóa Việt nam. Nó khác với làng Tàu ở 3 điểm :

1. - Ở chỗ bình quyền : ai cũng có thể dự hàng kỳ mục. Làng Tàu trái lại là thị tộc từ trong cơ cấu nên dành quyền đó cho một họ.

2. - Thứ đến là bình sản giữ được đến 20 - 26 %, còn Tàu nhiều khi 4 % như cuối đời Tống là thí dụ.

3. - Tàu có rất nhiều công thương (yếu tố du mục) biểu lộ bằng sự có đông thị dân hơn hẳn Việt Nam. Chỉ Việt Nam mới Hoàn toàn nông nghiệp, nên tinh thần nông nghiệp sống mạnh bên Việt Nam hơn cả bên Tàu.

Đó là mấy nét chính có thể dùng làm tiêu điểm cho nhiều cuộc tìm kiếm nhất là lúc trở về nguồn gốc để tìm ẩn tích Tổ tiên xuyên qua huyền thoại. Tôi gọi việc đó là huyền sử, và định nghĩa huyền sử là nền minh triết của dân tộc được diễn tả bằng những mảnh vụn của lịch sử. Nói mảnh vụn vì nó rải rác lộn xộn, lu mờ.

Vậy phải tìm ở đâu : Thừa cả trong huyền thoại, cả trong Kinh Điển tức Tứ Thư Ngũ Kinh. Về loại này chúng tôi dùng hai bộ nổi tiếng một là của James Legge gồm 5 quyển lớn trong bộ Chinese classic 1872. Hai là của Couvreur trong bộ Les Humanités d'Extrême Orient(Cathasia Paris 1951).Những bộ bằng tiếng Latinh chúng tôi cũng có nhưng chỉ để xem riêng chứ không trưng. Và khi trưng chúng tôi theo hai nguyên tắc sau : Dùng những bộ đứng đắn nhất. Thứ đến nếu có bằng tiếng Việt thì trưng theo bản Việt để giúp người đọc dễ tìm tài liệu.

Có thể hỏi tại sao chúng tôi không dùng bản chữ Nho là vì chúng tôi khởi nghiên cứu khi ở Paris, nên chỉ có thể có sách Tây. Đến sau nhận ra phương pháp làm việc của các tác giả Tây «khoa học «hơn Tàu nhiều, nên không nghĩ tới thay đổi làm gì. Nhất là những bản trên đều đầy đủ nguyên văn chữ Nho. Nhân tiện ở đây cũng nên nói về khả năng tư tưởng của người Tàu và Việt.. .

, rất kém nên đọc chán quá. Ban đầu tôi còn đọc qua về sau không buồn rớ tới tác giả nào nữa. Bao nhiêu biểu tượng đã trở thành biểu hiệu rỗng, nếu không là khung chõ những suy luận nhảm. Đọc họ tôi có cảm tưởng như ông Keun nghĩ về những thợ Tàu rất giỏi nhưng không hiểu gì về nghệ thuật.

Về sau tôi nhận ra nhiều học giả cũng nhận xét y như tôi nghĩ, thí dụ Keyserling trong Journal 133 và Granet trong Socio. 69 - 70. Phương pháp xã hội thì mới được đưa vào, còn trước kia toàn là văn học kiểu chú sớ tầm chương đọc sao nổi. Thế là tạm xong phần huyền.

Bây giờ đến phần sử thì chúng tôi chỉ dùng của người Tàu có hai tác giả : một là Tư Mã Thiên và hai là Mã Đoan Lâm. Ngoài ra ít dùng các tác giả khác, phần vì chưa tìm được tài liệu và thì giờ nhưng nhất là vì không muốn nhìn theo lối người Tàu, bởi họ đã bị thiên kiến như chúng tôi sẽ trưng bằng chứng nơi khác, chỉ có vài tác giả chúng tôi dùng tạm như Mộng Văn Thông và Chu Cốc Thành. Nhưng sau chúng tôi đã bỏ khuyết bằng tài liệu của đại học Yale, nhất là của học giả Eberhard và Herold Wiens đúc kết nhiều công trình nghiên cứu khác. Ngoài ra các học giả quốc tế về Trung Hoa (Sinologues) thì chúng tôi cũng tìm được phần lớn như Joseph Needham trong bộ Science et Civilisation

in China. Cambridge University 1954 và H. G. Creel. La naissance de la Chine. Payot 1937. Nói tóm lại thì chúng tôi cố dùng những tài liệu đúng đắn nhất được quốc tế thừa nhận.

Như vậy bảo chúng tôi không coi sử ra gì là sai.

Chúng tôi nghĩ căn cứ trên bấy nhiêu tài liệu là đủ, vì chỉ cần lý chứng cái nhiên đã đủ đưa ra giả thuyết. Còn chứng minh là việc làm dài hơi, nhưng dài hơi chưa hẳn là cần lâu năm vì trong triết lý cũng như khoa học có những yếu tố quan trọng hơn thời gian nhiều, thí dụ cái nhìn trực thị mà đôi khi có người gặp được thì đi mau hơn cả một hai ba đời đầy công mà thiếu nó.

Có người lấy làm lạ tại sai tôi không dùng tài liệu của BEFEO. Xin thưa cũng có chứ nhưng ít thôi, không những vì họ là người Pháp có thể thiên lệch (nói chung, chứ có nhiều ngoại lệ như trường hợp các ông Tavernier, Briffault...) nhưng nhất là vì đối tượng của họ hầu hết rút gọn vào Đông Dương. Còn đối tượng của tôi là trận tuyến văn hóa bao la, dàn dài ra khắp miền Viễn Đông; bên kia là Hoa Hán, bên này là Viêm Việt, tức là toàn khối Nhung, Man, Di, Địch... với một nền văn hóa phôi thai, mang tính chất nông nghiệp, mà đại biểu lúc xưa được nhiều học giả công nhận là Việt và cho tới nay cũng còn được là thế (Need I. 89).

Trở lên là những tài liệu tôi đã dùng, tất cả đều có giá trị quốc tế và nói chung là những tài liệu đã vượt giai đoạn ấu trĩ của Hoa học (Sinologie). Vậy là tôi nói đường đường trên quốc tế, chứ không có chuyện nói thầm trong góc nhà Việt Nam đâu. Vì thế ai muốn bác bỏ thì cũng phải theo những tiêu chuẩn quốc tế về tài liệu lần phong thái và cần trước hết là tìm hiểu xem tác giả muốn nói cái chi đã. Không hiểu điều đó mà cũng phi bác bâng quơ thì chỉ tổ làm mất cảm tình. Sau này ai bác bỏ được thuyết Việt Nho, thì tôi cũng sẵn sàng từ bỏ, không một chút ngần ngại, bởi vì nó chỉ là món phụ thoát kỳ thủy được đưa vào vì lý do hầu hết người đọc chưa hiểu triết thuyết an vi là gì, nên trong khi chờ đợi hãy dùng «bốn món ăn chơi» cái đã để cho triết thuyết an vi ngấm dần. Khi đã ngấm thì sẽ nhận ra triết thuyết an vi mới quan trọng hơn thập bội triết sử Việt Nho. Bởi chung cần triết lý phụng sự con người, còn triết đó bởi đâu phát xuất là vấn đề hết sức tùy phụ. Có nó hay không có nó triết thuyết an vi vẫn toàn vẹn. Thế nhưng sự vụ lại xảy ra quá điều tác giả dự trù : hầu hết món ăn chơi này nên dùng đã đời rồi tráng miệng ra về luôn. Có kẻ thì lại la lối âm ỷ làm cho một số người thì thầm với nhau phen này Việt Nho xuống đất đen. Thế nhưng âm ỷ mặc, côi cút xay đều, và vì đứng bên bờ duy sử mà hò với hét (có độc giả viết cho chúng tôi như vậy)

thì làm sao mà hiểu nổi đề mà bác với bỏ. Vì thế tôi cứ đề thuyết Việt Nho y nguyên cho bầu khí văn học Việt Nam thêm sinh động, ít nhất nó cũng giúp cho nhìn được kỹ lưỡng hơn khuôn mặt của triết lý an vi.

PHỤ TRƯỞNG

X. Thuyết Việt Nho trước những thám quật mới nhất

Quyển «Việt Lý Tổ Nguyên» mang vào giới học giả hai đề quyết chính :

1. - Người Lạc Việt làm chủ nước Tàu trước người Tàu.
2. - Nho sơ khởi do người Lạc Việt thai nghén ra.

Đó là những đề quyết động trời, nhất là câu sau. Tuy thế khi sách mới ra thì số người phủ nhận rất nhỏ, còn phần đông thì hoan nghênh, có thể nói là nhiệt liệt, vì nhận thấy nó mở ra những chân trời mới mẻ, với những lý chứng không dễ gì mà chối đi được. Vì căn cứ trên những thám quật của các nhà khoa học từ năm 1923 (Ngưỡng Thiều), 1928 (Long Sơn) và nay là Non Nok Tha. Chứng cứ có vô vàn, chưa thể đưa ra trong một hai sách.

Hôm nay chúng tôi hân hạnh đưa ra một ít lý chứng dựa trên những thám quật tự quảng 10 năm nay do các nhà bác học quốc tế thực hiện tại Non Nok Tha (biên giới Thái Lào) và hang thần nơi phát nguyên dòng sông

Siliween ở Miền Điện. Những công trình này đã được tiến sĩ Wilhelm G. Solheim đúc kết lại trong một bài đăng trong tạp chí địa dư nước Mỹ 1971 (National Geographic Magazine) và đã được nhiều tạp chí khác trích đăng. Bên Việt Nam có tờ Phương Đông số 10 và Thế Giới Tự Do số XX, 7 với nhan đề : «Những tia sáng rọi vào một quá khứ bị lãng quên : Những khám phá mới dẫn khởi rằng Đông Nam Á Châu có thể là ngọn nguồn của nền văn minh nhân loại». Còn về nội dung thì đại để hỗ trợ cho chủ trương Việt Nho trong một số điểm quan trọng mà chúng tôi xin tóm lược sau đây :

Điển nhất : Xưa nay các học giả vẫn tin rằng văn minh phát xuất tự Tây (Cận Đông) truyền sang Đông (Tàu), đến khi thuyết này bị lung lay thì lại cho rằng văn minh phát xuất tự Bắc xuống Nam (tức tự Tàu xuống Man Di Bách Việt). Việt Nho trái lại cho rằng tự Nam lên Bắc (Việt Lý Tổ Nguyên tr. 49), tức là văn hóa do Viêm Việt lập ra ở phương Nam gồm cả miền Ba Thục và mạn Nam sông Hoàng Hà.

Vậy mà nay ông Solheim cũng nói đại cương như vậy : căn cứ trên những đồ gốm đồ đồng thuộc văn hóa Đông Sơn, Hòa Bình mới thám quật được ở Bắc Thái Lào. Những vật đó có lối 3000 năm trước kỷ nguyên,

tức không những có trước bên Ấn Độ lẫn

Trung Hoa mà còn trước cả Cận Đông. Do đó ông đưa ra giả thuyết xa hơn rằng cái lò phát xuất văn minh nhân loại không phải bên Cận Đông nhưng là bên Đông Nam Á Châu. Như thế là ông còn quả quyết mạnh hơn chúng tôi, tuy nhiên ở đây chúng tôi không chú ý đến điểm trên mà chỉ ghi lại ít yếu tố hỗ trợ cho chủ thuyết Việt Nho như sau :

1. - Việc thuần hóa súc vật(bò loại zebu : bos indicus) có lẽ đã xảy ra đầu tiên tại Á Châu.

2. - Việc thuần hóa cây cối (làm cho cây cối phục thủy thổ)do nền văn minh Hòa Bình hiện thực lối 15.000 năm trước kỷ nguyên(Đo tuổi bằng phương pháp Carbon 14).

3. - Đồ gốm cũng do dân thuộc văn minh Hòa Bình làm ra trước đây từ lối 10.000 năm trước kỷ nguyên. Do đó đi đến hai kết luận sau :

4. - Đồ gốm Ngưỡng Thiều là do một chi lưu của nền Văn hóa Hòa Bình vào khoảng 6 - 7 ngàn năm trước kỳ nguyên.

5. - Hơn thế nữa cả đồ gốm Long Sơn cũng phát xuất tự văn minh Hòa Bình

6. - Vào thời kỳ 3000 trước kỷ nguyên những dân tộc Đông Nam Á đã biết sử dụng tài tình thuyền bè.

7. - Và họ đem theo một kiểu nghệ thuật kỹ hà học với các vòng xoay tròn ốc, các hình tam giác và chữ nhật. Điều này minh chứng cho hai điều a và b trên, vì cả hai nơi đều có vòng xoáy ốc, các hình tam giác v. v...

Đó là đại đề 7 yếu tố rút từ bài ông Solheim. Xin chú ý chữ Hòa Bình ở đây chỉ là đại biểu cho một nền văn hóa lan rộng bằng bờ cõi mà tôi gọi là của Viêm Việt tức là vùng Hồ Quảng xuống tới Nam Dương, Mã Lai Á. ..Vậy bài của tiến sĩ Solheim không những hỗ trợ mà còn kiện chứng hai điểm chúng tôi chưa dám cả quyết dứt khoát : thí dụ việc đồ gốm Ngưỡng Thiều và Long Sơn cái nào để ra cái nào, thì đó là vấn đề lớn đang được tranh luận giữa các nhà chuyên môn : nếu bảo là Ngưỡng Thiều (ở phía Tây) là khởi điểm thì Tàu đặt nền tảng văn minh, còn bảo Long Sơn (phía Đông) thì là do Lạc Việt. Vậy mà ông Solheim đã quả quyết xa hơn chúng tôi khi cho cả hai nơi Ngưỡng Thiều và Long Sơn đều do văn hóa Hòa Bình phát xuất. Đây là câu quyết đoán rất quan trọng vấn đề nguồn gốc. Hiện nay ai cũng đã công nhận bên Tàu có hai nền văn hóa giao thoa : một du mục, hai nông nghiệp và ấn tích của sự giao thoa là văn minh Long Sơn với đồ gốm đen

mà nổi nhất là cái Lịch (cái nồi ba bề). Chính nền văn hóa này nảy sinh ra văn hóa nhà Thương, là nền văn hóa đầu tiên của Trung Quốc. Xem ra văn hóa Long Sơn chưa có chữ viết nhưng đã thoát khỏi thời đen tối (Archeo 121), vì thế có tầm mức rất quan trọng, ông Chang nói nếu không hiểu được văn hóa Long Sơn thì cũng chưa hiểu nổi văn hóa Hoàng Hà (Archeo 452), tức là văn hóa Trung Hoa hay là Nho giáo. Nghĩa là những hằng số của Nho giáo được thai nghén đầy đủ ở đây, nhưng lại khác với văn hóa đến sau từ Tây Bắc đi với đồ gốm có vẽ màu ở Ngưỡng Thiều trong vùng Tân Lĩnh có thể đại diện cho văn hóa Trung Nguyên của Hoa tộc. Vậy vấn đề đặt ra là Ngưỡng Thiều đẻ ra Long Sơn hay Long Sơn phát xuất từ Đông Nam vùng Dương Tử, Hán Thủy, sông Hoài, rồi đẻ ra Ngưỡng Thiều ? Ai cũng thấy ngay tầm quan trọng nếu Long Sơn phát xuất từ Nam thì văn hóa Tàu là do Viêm Việt sáng tạo ít ra ở những phần tinh túy nhất. Chúng tôi đã chủ trương Long Sơn từ phương Nam vì những lý do sau đây :

Trước hết vì phần đông các học giả danh tiếng đều chủ trương Long Sơn đã ảnh hưởng vào Ngưỡng Thiều: đó là sử gia Eberhard (p. 13, 16), giáo sư Creel (p. 43, 47) và nhất là ông Joseph Needham (I. 83) nói rõ cái Lịch là do Long Sơn (Hà Nam) tỏa lên Sơn Tây. Cam Túc, tức Ngưỡng Thiều).

Thứ đến có thể nhận xét rằng đồ gốm Ngưỡng Thiều có vẽ, mà cho được vẽ trên đồ gốm, đồ sứ đều phải có kim khí, mà kim khí có rất muộn trên miền Bắc, nên thuyết của ông Solheim cho là ngưỡng Thiều chịu ảnh hưởng miền Nam (Tứ Xuyên) là có lý.

Đến ngay như ông Chang muốn bênh vực chủ trương Ngưỡng Thiều ảnh hưởng Long Sơn, cũng lại vô tình đưa ra những sự kiện có thể gọi là trái ngược, thí dụ nói lên mối liên hệ giữa Long Sơn với Đông Di, cũng như với Lang Chử ở mạn Nam vùng Chiết Giang. Theo sử gia thì Long Sơn là người Thái và Giao (tức Việt) và một phần dân Mãn Châu (Tungusé). Vì thế văn hóa Long Sơn có thể coi như một ngành quan trọng của văn hóa Cổ Việt, nó cũng có những nét kỹ hà học như dưới Non Nok Tha, lại có những đồ gốm mang dấu đan lát và dây chảo (corded patteru) như các vùng phương Nam không những ở Lang Chử mà còn ở tận mãi Đàm Thạch Tự ở Phúc Kiến và cả Phương Tị Đầu bên Đài Loan, tất cả đều đã xuất hiện lối 2500 năm trước kỷ nguyên, tức là lâu trước khi người Tàu có thể vượt sông Hoàng Hà, thì làm sao bảo là do người Tàu cho được.

Huống chi điều đó càng rõ hơn khi xét đến người đại diện cho Hoa tộc mãi về sau này là nhà Chu, mà văn hóa còn kém xa nhà Thương, nên phải dùng thợ nhà

Chu đề hiện thực những mỹ nghệ cao độ, vì thế nhiều nhà nghiên cứu như Lý Tế, Karlgren,

Umehara, thì đồ đồng nhà Chu rập mẫu các kiểu trang trí đồ gỗ là thứ đã phát triển mạnh ở miền Nam (Style p. 43). Nhiều tác giả nhận xét đồ đồng xuất hiện đột ngột ở nhà Thương không có sửa soạn (Eberhard 14) là tại xét theo trung Nguyên, mà không xét theo vùng Tứ Xuyên và Hồ Quảng là những nơi rất giàu kim khí đã có đúc trống

Đồng lâu trước. Chỉ cần so sánh cái đèn ở Đông Sơn đẹp hơn đèn Trung Hoa và La Mã là thấy bảo chứng cho điều ấy.

Đó là về văn minh, còn đảng văn hóa thì nhà Chu đã phải học với nhà Thương lâu trước (Naissance de la Chine. Creel. phần đầu) và khi vào chiếm quyền thì vẫn còn kém nên phải dùng những người chuyên về nghi lễ và viết lách của nhà Thương : đó là nguồn gốc kẻ sĩ. Họ không là quý tộc nhưng là một thứ đại biểu của dân, nắm giữ văn hóa, nên cuối cùng thị dân nhà Chu cũng dùng rất nhiều từ ngữ của thôn dân nhà

Thương (Eberhard. p. 37), vì thế mà Kinh Thi có rất nhiều nhĩ âm vùng Thái Sơn (Terrien. 23) cũng như dân nước Tề nói tiếng của Lạc Địch.

Xét các lý do trên ta thấy chủ trương cho rằng văn hóa Long Sơn thuộc Viêm Việt có những lý chứng rất vững. Huống chi ngày nay lại được hỗ trợ do những thám quật mới nhất thì quả là đáng lưu tâm truy tầm.

Bây giờ ta thử bàn qua đến não tuỷ của nền văn hóa đó.

Theo tôi thì nó kết tinh trong cái Lịch tức cái nôi có 3 chân rồng. Xin nhắc lại tôi không quan trọng cái Lịch vì nó có liên hệ với Tam Miêu, nhưng vì liên hệ với những cái rất hệ trọng tức thuộc tôn giáo và văn hóa.

Tôn giáo thì như tế tự : cái nôi ba bề có thể sau biến ra 3 đầu rau, chỉ thổ công, thổ kỳ, thổ địa : có tính cách tôn giáo.

Cũng có thể gắn vào đây lời phụ đồng liên sau mà chúng tôi nghĩ là vừa rất xưa và rất thích hợp với cái nôi ba bề :

«Phụ đồng phụ chôi,
Thôi lỗi mà lên,
Ba bề bốn bên,
Sôi lên cho chóng,
Nhược bằng cửa đóng,
Phá ra mà vào,

Cách chuôm cách ao
Cách ba hàng rào,
Cũng vào cho lọt...»

Sở dĩ tôi nói bài phụ đồng này thích hợp với nồi Tam Biên (ba bể) vì nó vừa nói lên sự thoải cho mau sôi là do 3 chân rộng được vẽ như 3 cái vú nói lên Nguyên lý Mẹ» Sữa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra «

Có thể mừng tượng ra một nghi lễ tôn giáo có nhiều tác động trong đó đến một lúc trang trọng thì các tư tế vừa đốt lửa dưới nồi Tam Biên vừa đọc lời thần chú như trên. Cho nên cái Lịch có thể coi như môi khởi đầu của nền văn hóa Lạc Thu, tất cả có những con số rường cột là 3, 5, 9. Vậy mà theo những thám quật mới nhất thì những con số này (Tam tài, Ngũ hành, Cửu trù) cũng như cái Lịch đều phát xuất từ phía Đông Nam tức là Hà Nam, Sơn Đông rồi tỏa lên phía Tây Bắc : Sơn Tây, Thiểm Tây, Cam Túc (Need. I. p. 81). Vậy mà Đông Nam chính là miền cư ngụ lâu dài của người Lạc Việt, nên luận được rằng Tam tài, Ngũ hành, Cửu trù, Hồng phạm khởi từ Viêm Việt.

Vì mối liên hệ thâm sâu đó nên phải coi nồi Ba Bể là bản tóm đầu tiên của nền văn hóa Long Sơn, và ta có thể nói là xét về cơ cấu thì đã cao lắm.

Bây giờ bàn đến đại biểu cho nền văn hóa đó tức bộ ba Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông : đó là Tổ của Viêm Việt hay Hoa tộc ? Cho tới nay không ai đặt vấn đề mà chỉ theo truyền thuyết hiểu ngầm là Tổ tiên người Tàu. Riêng Việt Nho thì lại cho là của Viêm Việt. Xin nhắc lại rằng với chúng tôi thì Phục Hy, Thần Nông không cần là nhân vật lịch sử mà chỉ cần là những sơ-nguyên-tượng của nền văn hóa nông nghiệp hoặc một chủng tộc lớn biết trồng trọt rất sớm và có những đức tính đi với nông nghiệp. Và theo chúng tôi đó là Viêm Việt.

Quả quyết như thế là chúng tôi đứng trên quan điểm văn hóa, và lúc ấy câu trên có nghĩa là nội dung văn hóa phương Nam là nông nghiệp và chữ nông nghiệp ở đây cũng xin hiểu theo nghĩa văn hóa tức là có ít nét đặc trưng sau :

1. - Địa vị đàn bà không quá thấp kém.
2. - Ưu nhu nhuận hơn khổng chế tức trọng văn hơn võ.
3. - Có tính chất dân quyền, bình sản.

Đó là chủ trương của triết thuyết Việt Nho. Và chúng tôi cho rằng thuyết đó dựa trên những điều rõ rệt và có giá trị trường tồn, thuộc triết lý nhân sinh, chứ không phải vấn đề Hàn lâm hay khảo cổ. Ngành này chuyên tìm kiếm xem lúc khởi nguyên chủng nào duy trì được

tinh thần nông nghiệp thuần túy hơn và lâu hơn, vì đó mới là vấn đề sống thực, mới là chính cốt. Còn nếu xưa kia có đi vào nông nghiệp mà sau này sống theo tinh thần du mục thì vẫn gọi là du mục. Tuy nhiên với nhiều người thì vấn đề không xét trên phương diện chính cốt đó (tức nội dung trường tồn) mà chỉ xét trên phương diện nguồn gốc lịch sử tức là Tàu đi vào nông nghiệp trước hay Ta. Với chúng tôi đó là tùy phụ nhưng để làm cho vấn đề sáng tỏ hơn hôm nay thử bàn xem Thần Nông là Tàu hay Việt ? Và sau đây là lý chứng rằng đó là Tổ tiên Viêm Việt.

Trước hết vì chính sử Trung Hoa không hề nói tới hai vị : Kinh Thư chỉ khởi đầu từ Nghiêu Thuấn. Còn Trúc Thư Kỷ Niên thì khởi đầu từ Hoàng Đế, cả hai sách đều không đề cập tới Phục Hy, Thần Nông. Vì thế chính sử chỉ kể nước Tàu khởi đầu từ Đế kỷ (Need I. 74) hay là Hoàng Đế (Hiên Viên). Tư Mã Thiên không kể tới Tam Hoàng, mà chỉ nói đến Ngũ Đế là Hoàng Đế,

Chuyên Húc, Đế Cốc, Nghiêu Thuần⁴. Còn bản Nguyệt lệnh tuy có nhắc tới Phục Hy, Thần Nông (Hoàng Đế, Thiếu Hạo, Chuyên Húc), nhưng như đã nơi khác thì Nguyệt lệnh lại mang tính chất dân gian, mà dân gian có truyền tụng về Thần Nông lại là dân gian gốc Việt. Sở dĩ cho tới nay điểm này không được chú ý vì có sự lẫn lộn sử ký với huyền thoại. Nếu trên đất Trung Hoa xưa trước sau chỉ có một chủng duy nhất thì sự lẫn lộn có thể chỉ là sai chi tiết, nhưng vì có nhiều chủng tộc đã vào nước Tàu trước sau cách nhau cả hàng ngàn năm, thì lẫn sử ký với huyền thoại là dễ dàng đem chuyện dân nọ gán cho dân kia, như có thể là trường hợp của Phục Hy và Thần Nông. Bởi vì huyền thoại này được truyền tụng nhiều nhất trên trục thiên di của Viêm Việt tức từ vùng Tứ Xuyên ngọn sông Dương Tử tiến sang vùng sông Hoài và núi Thái Sơn. Quyển The Archeology of

4 Về việc không gặp sọ lạc Việt ở Trung Nguyên thì quả là một lý cụ thể, nhưng chưa hội đủ điều kiện để trở thành quyết định. Trước hết là việc đo chỉ số sọ chưa chắc đã làm xong vì nó cũng giống khoa khảo cổ, mà khảo cổ vẫn là chưa thám quật hết, mãi tới năm 1968 mà còn tuyên bố như trên(xem The Archeology of Ancient China của Kwang Chih, Yale University 1968) thì tại sao việc đo sọ kẻ đã làm xong, nghĩa là đo thám quật khắp miền Trung Nguyên bát ngát.

Ancient Chinap. 79 nhắc đến đời Thần Nông có con chim Đỏ tha bông lúa có 9 tai... Toàn là những số biểu thị của Viêm Việt. Lại ghi thêm rằng vùng Tứ Xuyên dân gian vẫn còn truyền tụng câu truyện Thần Nông nếm phải cỏ độc mà chết. Cũng như có truyền thuyết quy cái Lịch cho Phục Hy (Keim 233), thế mà lịch ở phương Nam. Cháu Phục Hy tên là Cổ Diên làm ra cái trống gọi là Dung(Kinh Thư. Legge. 88). Vậy mà trống cũng lại là đồ phương Nam.

Đàng khác tiền sử đặt kinh đô Phục Hy và Thần Nông ở vùng sông Hoài, khúc phụ tức là mạn Nam sông Hoàng Hà. Trong quyển Histoire de la Chine p. 23, ông Soulié de Morant có ghi truyền thuyết Thần Nông sinh và chết gần ở Hồ Động Đình. Tuy trên Bắc có 6 nước nhỏ cũng xưng mình là con cháu Thần Nông như nước Nhiệm, nước Tu Cầu... (Chine Antique p. 82), nhưng đó lại là vùng Trục Lệ và Sơn Đông nằm trong địa bàn của Lạc Việt, không phải là Trung Nguyên của Hoa tộc. Vua đầu tiên của Hoa tộc là Hoàng Đế thì kinh đô ở Trác Lộc mạn Bắc Hà. Điều này quan trọng vì ta biết rằng thời Hoàng Đế người Tàu chưa vượt nổi sông Hoàng Hà phải chờ mãi tới đời Hạ Vũ mới vượt được ở đoạn hẹp nhất chỗ giáp cửa sông Vị. Như vậy thì những gì xảy ra ở mạn Nam sông Hà trước đời Hạ Vũ phải kể là thuộc Viêm Việt, thí dụ truyền thuyết về Phục Hy ở

phía cực Đông (C. A. 82) có họ Phong là gió vậy là có liên hệ với chim tức Lạc bộ chuy, nên mẹ ông đẻ ra ông theo lối đã hợp tức tập tục của Viêm Việt (C. A. 102).

Lý do thứ hai là vì Viêm Việt vào nước Tàu cả hàng ngàn năm, tại sao không biết làm nghề nông sớm hơn. Huống chi lại ở vùng ấm hơn phía Bắc Hà, tức thuận lợi cho nghề nông hơn. Đã vậy còn tìm được chứng tích là người Tàu đã học với Lạc Việt phép dẫn thủy nhập điền để làm ruộng. Việc dùng nước thủy triều này có nhắc đến trong truyện Lạc dân lợi dụng thủy triều làm ruộng Lạc điền... Vì thế trong quyển Tân quốc văn (quyển 5 bài I) có viết «Hỏa thực thủy ư Toại Nhân, súc mục thủy ư Phục Hy, giá sắc, y dược thủy ư Thần Nông». Các vị sáng lập này có lâu đời trước khi người Tàu vào Trung Quốc. Quyển Tân quốc văn đã thu thập những tin tưởng trong dân chúng nên là chứng tích vô tư.

Đó là một số lý do cho phép nghĩ rằng Viêm Việt đã đi vào nông trước Tàu và nếu cứ căn cứ vào niên kỷ truyền thuyết của Phục Hy là năm 4477 và Thần Nông 3326, thì Phục Hy là thời Viêm Việt bước mạnh vào súc mục, còn Thần Nông là thời đi vào nông nghiệp. Các học giả đời mới hạ thấp hai niên kỷ trên xuống 1628 cho Phục Hy (tức 2852 thay vì 4477 cũ) và 583 cho Thần Nông (tức 2737 thay vì 3320 cũ) là vô tình bóp

méo truyền thuyết của Viêm Việt để sáp nhập vào sử của Hoa tộc.

Vậy phải coi niên kỷ cũ là của Viêm Việt và cần được duy trì thì mới hợp với những thám quật ở Non Nok Tha và Hang Thần cũng như Lang Chử, Phương Tị Đầu...

Cả thuyết cho rằng Phục Hy, Thần Nông là Tổ của Tàu, còn Việt Nam chỉ nhận là cháu ba đời, cũng đồng ý rằng Phục Hy Thần Nông không có mặt tại Hoa Bắc. Vậy thì ở đâu ? Nếu xét theo niên kỷ truyền thuyết (mà ở đây không có căn cứ khác) thì phải ở Hoa Nam vùng Tứ Xuyên và sông Hoài vì câu chuyện Lộc Tục với họ Hồng Bàng của Ta xảy ra năm 2879, tức lâu trước khi Hoàng Đế vào nước Tàu (2697). Và tuy Đế Minh chỉ nhận cháu 3 đời của Thần Nông thì cũng hơn Tàu không có liên hệ nào tuy có truyền thuyết nói Hoàng Đế với Thần Nông cùng một Tổ là Thiếu Diễm, nhưng khó chấp nhận và cách nhau cả hơn 600 năm. lại ở xa dưới miền Nam và cực Đông vùng Bắc Kinh, là miền mãi đời Hạ, Tàu cũng còn chưa tới được, thế mà Thần Nông lại có con cháu ở Hoa Nam, thí dụ Tam Miêu con cháu của Tấn Văn Chi chòm của Thần Nông. Vì thế chính sử Tàu không kể tới, còn truyền thuyết nhận Thần Nông Phục Hy là Tổ người Tàu thì chẳng qua là chuyện lộn xộn do xâm lăng chiếm đất thì cũng chiếm luôn Tổ và

nhận vợ, chứ nếu cứ xét theo huyền thoại thì Phục Hy không phải là người Tàu. Bà Hoa Lư dầm vào lột chân người to lớn ở Lôi Trạch mà đẻ ra ông Phục Hy, vậy là Phục Hy được sinh ra theo lối «Đã hợp» của Viêm Việt. Có truyền thuyết nói về thần Nữ Bạt sợ điền Tở (Thần Nông) không dám lên trời, Hoàng Đế phải cho lên trư ngụ mạn Bắc. Vậy thì Nữ Thần Bạt là con Hoàng Đế, nay thánh quan thầy của Hoàng Đế đã có công giúp ông đánh bại Si Vưu, mà lại sợ Thần Nông thì chắc khác chủng tộc...

Tiến sĩ Solheim nhận xét rằng Lúa (*oryza saliva*) đào thấy ở Non Nok Tha đã có lối 3000 năm trước kỷ nguyên tức sớm hơn lúa gạo ở Ấn Độ và Trung Hoa 1000 năm. Nói thế có nghĩa là việc thuần hóa Lúa (gọi là Thần Nông) thuộc Viêm Việt cũng y như sự thuần hóa bò (mà huyền thoại gọi là Phục Hy) cũng lại là công của Viêm Việt. Và như vậy thì cổ thư cũng như những cuộc thám quật kiện chứng cho huyền thoại, theo đó thì Phục Hy, Nữ Oa Thần Nông là Tở Viêm Việt. Từ đó chúng ta có thể kết luận sang bình diện văn hóa là Viêm Việt đặt nền móng trước bởi vì Phục Hy đặt ra Kinh Dịch, xem thấy Hà Đồ, Nữ Oa đặt ra đàn cầm 5 dây tức Ngũ Hành (luyện đá ngũ sắc), Thần Nông đặt ra Y học, nông học... ; mà vì Kinh Dịch, Y học, nông học... sẽ là cơ sở của Nho giáo sau này, nên kết luận được rằng :

Viêm Việt là Tổ của Nho sơ khởi hay nói khác là Viêm Việt đã đóng góp phần quan trọng vào sự hình thành Nho giáo.

Có người chối sự đóng góp này vì lúc đầu Việt Hoa chưa hợp chủng mà bằng chứng là không có sọ Lạc Việt ở Hoa Bắc. Tôi cho rằng không cần hợp chủng cũng có thể đóng góp vào văn hóa, chỉ cần sự tiếp xúc là đủ.

Vậy mà Lạc Việt tiếp cận với Hoa tộc ở cả 3 mặt Đông, Tây, Nam tức Thiểm Tây, Sơn Đông, Hà Nam. Người ta càng có lý do mạnh mẽ tin như thế khi thấy những nước phát triển mạnh về văn hóa như Tề, Lỗ... toàn ở về phía Đông Nam tức những miền dễ tiếp cận với Lạc Việt. Đã vậy việc Hoàng tộc mấy nước Tề, Lỗ, Trần đều xưng mình là con cháu thần Thái sơn và lấy họ Khương (Maspéro : Chine Antique. 102) tức họ của Thần Nông thì ta có thể coi đó như mối liên hệ với Thần Nông.

Nếu chú ý đến việc người Tàu về sau vẫn khinh despise họ Khương coi là man rợ, bắt làm nô lệ, tể Khương (Creel 208), có khi nói là tứ Khương(xem sử nước Ngô : Histoire du royaume de Ou par Albert Tschepe. Changai 1896 p. 33), cũng như những thuyết chứng minh Phục Hy, Thần Nông chỉ là vật tổ của dân bản thổ được sát nhập vào cho Tàu(Need. I. 163). Thì càng tỏ rõ Thần

Nông, phương chi Phục Hy không phải Tổ tiên của Hoa tộc. Còn sự khinh rẻ gọi là Man hay Di cũng là về sau lúc đó đã thành hùng cường mà có lẽ cũng vào cuối đời Chu, chứ lúc đầu thì không có tự kiêu nên dễ dàng hợp chủng hợp văn hóa với dân Kinh Việt. Cứ xem những việc như ông Vũ khi đến miền dân cõi trường (Hòai Nam Tử. C. 120), (Need I. 206) hoặc vụ ông Thái Bá, con cả ông Cổ Công Đản Phụ và là anh của Văn vương (lối 1122 tr. k. n.). Khi xuống lập nghiệp ở miền sau này sẽ là nước Ngô chấp nhận dễ dàng phong tục Lạc Việt cũng xăm mình, cũng cắt tóc vắn... . Mãi sau này những nhà giải nghĩa sử ký chối đi hay giải nghĩa cách trẻ con(xem Tschepe. p. 11, 12) thì đủ biết lúc đầu văn hóa người Tàu còn thấp. Mãi đến năm 887 mà Dừng Dịch ở Kinh Việt còn từ chối tước nhà Chu : «Ta là Man Di, ta không cần chức tước của người Trung Hoa ban cho kẻ sống người chết. Albert Tschepe : Histoire du royaume de Tch'ou. p. 10).

Ấy là lúc họ đã thành nước mạnh lắm mà còn hợp chủng hợp văn hóa dễ dàng, huống chi khi mới xâm nhập tự ái quốc gia chưa lên cao như sau thì việc thâm nhập văn hóa của Man Di có chi lạ. Trong sử ký Tư Mã Thiên có ghi nhiều trường hợp người Tàu lấy vợ Nhung, Dịch, Khương, Man(Socio. 36) thì đó là dấu ớc kỳ thị không cao đến độ cản trở việc hợp văn hóa.

Nhiều sử gia nhấn mạnh việc người Tàu lúc đầu không có kỳ thị các dân xung quanh, nên sống pha trộn kiểu vết dầu loang, chỉ khi cần mới đánh chiếm (xem chẳng hạn Terrien p. 104 - 106). Đây là đường lối thâm hóa của người Tàu suốt từ đầu lịch sử của họ. Ban đầu họ thâm hóa các yếu tố của Viêm Việt để làm nên một nền Văn hóa mạnh, rồi sau mới dùng văn hóa mạnh đó để «đức hóa» dân xung quanh.

Mọi sáng chế quy cho Hiên Viên (Hoàng Đế) nhưng nếu xét lịch sử thì kỹ thuật phát xuất ở Tề, Lỗ (Need II. 84) tức phía Đông mà Hiên Viên tự phía Tây.

Vợ Hiên Viên là Luy Tổ phát minh ra tầm tang, nhưng các nhà nghiên cứu đều nói tầm tang phát xuất từ miền Nam và mượn luôn cả danh từ tầm (tầm) và nhộng (Eberhard 27. bản Pháp).

Chỉ kể sơ sơ thế đủ thấy rằng quan niệm xưa quy công cho Tàu phải được xét lại theo các dữ kiện mới khám phá từ năm 1929 về sau. Theo đó thì nguồn gốc văn hóa của Nho không nên coi Tàu là chủ và là một khối như nay, nhưng nên chia ra từng đợt yếu tố đã cấu tạo nên văn hóa đó. Ông Eberhard chia ra 6 đợt thì quy cho Bắc 3 : cổ Mãn Châu, cổ Turc, cổ Tibet, còn Nam 3 có tính cách duyên hải và học giả quen chỉ bằng tên Việt (xem chi tiết Need I. 89).

Tóm lại tuy chúng tôi không chú ý nhiều đến đo sọ, nhưng có nhiều lý chứng khác (mà bài này chỉ đưa ra một hai) để đề ra thuyết Việt Nho trước sự bờ ngõ của các học giả chưa biết nghĩ thế nào thì bỗng nhiên hôm nay các nhà chuyên môn đưa ra những thám quật mới lạ hỗ trợ cho thuyết trên quá sự mong đợi của người khai sinh ra nó.

Và câu nói Hoa Bắc không có sọ Việt là sai. Vì Hoa Bắc gồm cả Thiểm Tây và Sơn Đông đầy nhóc Lạc Việt, vậy có gượng ép lắm thì cũng chỉ nên nói là Trung Nguyên không có sọ Việt(*), nhưng cũng không nên quyết đoán tuyệt đối kiểu Lạc Việt chỉ ở đó dăm năm thì bị Hiên Viên đánh đuổi đi, vì đây là những con số quá xác định không nên đưa ra trong thời xa xôi như vậy. Ta biết rằng người Tàu vất vả lắm mới đặt chân vào được nước Tàu và phải mất 2000 năm mới chiếm được có hai Tỉnh rưỡi, thì rút lại sự hiện diện của Lạc Việt vào 5 - 10 năm là quá tin vào một ngành (đo sọ). Thứ đến là giả sử chỉ có 5 - 10 năm đi nữa làm sao không có người chết và nhất là sau 3 trận(phải hiểu là nhiều)thù hù giữa Hiên Viên và Si Vưu làm sao không có người chết, nhất là Lạc Việt thua thì phải chết có hàng vạn. Truyền thuyết nói Hoàng Đế đánh Si Vưu máu chảy 100 dặm(Need. II. 108)là nói lên số nhiều đó. Vì thế tôi chưa tin là việc đo sọ đã làm xong.

Hoặc có thể đời ấy chưa biết chôn táng còn vớt xác ra cho chim muông ăn, nên không giữ được sọ. Có truyền thuyết lúc xưa đều thế. Trong Văn Hiến thông khảo. Mã Đoan Lâm (trang 446) còn nhắc tới dân Đồn Tồn ở mạn Tây Giao chỉ có tục đưa người chết ra rừng cho chim ăn hết thịt, còn xương đốt tán rắc xuống biển. Các nhà khảo cổ chưa tìm ra sọ của thổ dân Long Sơn có lẽ cũng vì đó chăng.

Còn một điều khó hiểu cho người không chuyên môn là tại sao các nhóm đó khác nhau quá : cùng là người miền Trung mà Holbe đo là 79. 36, còn Madrolle đo là 84. 62, thế là cách nhau đến 5, 62 !, chỉ cần hai chỉ số đã là một chủng mà đây cách nhau những 5, 62.

Người miền Nam tổng quát cũng thế : Madrolle do là 78. 98, còn Holbe là 84. 40, cách nhau 5, 42.

Chỉ số sọ người Hoa Bắc là 77. 54 nhưng với nhà bác học Kogagei là 80. 20, vậy mà người Bắc Việt theo Huard là 80. 02, và người Huế theo Holbe là 80. 81, thì có khác chi mấy với chỉ số sọ Hoa Bắc theo Kogogei.

Cáo Lỗi

Một số chương trong sách này đã bị thất lạc. Chân thành cáo lỗi độc giả